

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
CỬ NHÂN TÀI NĂNG
(Hệ thống tín chỉ)

Trình độ đào tạo: **ĐẠI HỌC**

Ngành đào tạo: **Hệ thống thông tin quản lý**

Mã ngành: **7340405**

Loại hình đào tạo: **Chính quy tập trung**

TP. HCM, năm 2021

MỤC LỤC

1.	Mục tiêu đào tạo.....	1
1.1	Mục tiêu chung	1
1.2	Mục tiêu cụ thể.....	1
1.3	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)	1
2.	Thời gian đào tạo: 4 năm với 8 học kỳ	6
3.	Khối lượng kiến thức toàn khóa:.....	6
4.	Đối tượng tuyển sinh.....	6
5.	Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp.....	7
5.1	Quy trình đào tạo.....	7
5.2	Điều kiện tốt nghiệp.....	7
6.	Thang điểm.....	8
7.	Chương trình đào tạo.....	8
7.1	Tỉ lệ các khối kiến thức:	8
7.2	Nội dung chi tiết chương trình đào tạo:	8
8.	Dự kiến Kế hoạch giảng dạy:.....	15
9.	Kế hoạch thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp.....	29
9.1	Thực tập tốt nghiệp:	29
9.2	Làm khóa luận tốt nghiệp.....	29
10.	Tóm tắt đề cương môn học	30
11.	Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình	52
11.1	Danh sách giảng viên cơ hữu.....	52
11.2	Danh sách giảng viên thỉnh giảng	56
12.	Danh sách cổ vấn học tập.....	58
13.	Cơ sở vật chất phục vụ học tập:	58
13.1	Phòng học	58
13.2	Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính/thực hành	58
13.3	Hội trường	59
13.4	Thư viện	59
13.5	Giáo trình, tập bài giảng của ngành đào tạo	61
14.	Hướng dẫn thực hiện chương trình.....	64
15.	Dự kiến kế hoạch kiểm định chương trình đào tạo:	64

BẢNG TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Từ nguyên
CSDL	Cơ sở dữ liệu
CT	Chương trình
CTĐT	Chương trình đào tạo
GDQP	giáo dục quốc phòng
HTTT	Hệ thống thông tin
HTTTQL	Hệ thống thông tin Quản lý
TC	tín chi
TMĐT	Thương mại điện tử

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

- Tên chương trình: Hệ thống thông tin quản lý (Chương trình Tài năng)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Ngành đào tạo: Hệ thống thông tin quản lý
- Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung
- Mã ngành đào tạo: 7340405
- Trưởng Bộ môn: TS. Hồ Trung Thành

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Đào tạo nguồn nhân lực có khả năng *phân tích, tư vấn, thiết kế, phát triển và triển khai* các giải pháp hệ thống thông tin để giải quyết các vấn đề kinh doanh, quản lý, và đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn lực chất lượng cao trong thời đại công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

1.2 Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu I: Đào tạo cử nhân ngành Hệ thống thông tin quản lý **có đầy đủ kiến thức** chuyên môn cần thiết về công nghệ thông tin *ứng dụng* trong kinh doanh; **nắm vững** các **quy trình** kinh doanh và **quản trị** doanh nghiệp;

Mục tiêu II: Đào tạo đội ngũ những chuyên gia **hiểu rõ** sự phối hợp giữa các yếu tố **công nghệ, quản trị** và **con người** trong một hệ thống thông tin quản lý, **vận dụng** các hệ thống thông tin quản lý trong việc giải quyết các vấn đề quản trị của tổ chức;

Mục tiêu III: Đào tạo đội ngũ những chuyên gia Hệ thống thông tin quản lý có khả năng **phân tích, thiết kế, phát triển, triển khai và vận hành** các dự án Hệ thống thông tin ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế, quản lý;

Mục tiêu IV: Đào tạo những chuyên gia Hệ thống thông tin quản lý có khả năng **phát hiện, đánh giá, lựa chọn, đề xuất và tư vấn** các giải pháp dựa trên **nền tảng công nghệ thông tin hiện đại và dữ liệu** để giải quyết các vấn đề quản trị cụ thể trong quản lý và điều hành tổ chức, doanh nghiệp; Có khả năng và tầm nhìn trong việc ứng dụng các công nghệ quản lý hiện đại để tăng cường hiệu quả quản trị dẫn đến tăng cường sức mạnh cạnh tranh cho doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế;

Mục tiêu V: Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt.

1.3 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)

	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo tiếp cận theo CDIO và nền tảng giáo dục 4.0
1	CÁC KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ
1.1	KIẾN THỨC KHOA HỌC CƠ BẢN LIÊN QUAN ĐẾN NGÀNH HTTTQL
1.1.1	Toán học
1.1.2	Tin học
1.1.3	Kinh tế
1.1.4	Kinh doanh và quản lý
1.1.5	Pháp luật
1.1.6	Kiến thức về chính trị, xã hội, tâm lý trong thời đại 4.0
1.2	KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH HTTTQL
1.2.1	Các mô hình tổ chức, lưu trữ, xử lý, khai thác dữ liệu và ra quyết định
1.2.2	Tư duy, phương pháp và kỹ thuật lập trình
1.2.3	Các phương pháp phân tích và thiết kế hệ thống, ngôn ngữ mô hình hóa
1.2.4	Kế toán tài chính
1.2.5	Hệ thống thông tin quản lý
1.2.6	Thương mại điện tử

1.2.7	Các kiến thức nền tảng của công nghệ 4.0
1.3	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH HTTTQL
1.3.1	Phát triển ứng dụng kinh doanh và quản lý nền tảng công nghệ 4.0
1.3.2	Các mô hình tổ chức dữ liệu và hệ quản trị cơ sở dữ liệu
1.3.3	Các mô hình tích hợp giữa các quy trình kinh doanh, quản lý với hệ thống thông tin
1.3.4	Các mô hình hỗ trợ ra quyết định dựa trên phân tích dữ liệu
1.3.5	An ninh hệ thống thông tin
1.3.6	Chiến lược phát triển HTTT
2	KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP
2.1	CÓ KHẢ NĂNG LẬP LUẬN, PHÂN TÍCH VÀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ QUẢN TRỊ BẰNG CÁC GIẢI PHÁP HTTTQL
2.1.1	Kỹ năng về tính toán, tổng hợp và khai thác thông tin hiệu quả
2.1.2	Tư duy thiết kế (khả năng trình bày và phát triển quy trình, công việc nhiệm vụ để đạt hiệu quả mong muốn)
2.1.3	Kỹ năng quản trị sự quá tải thông tin
2.1.4	Hình thành chiến lược giải quyết vấn đề (Giải pháp và khuyến nghị)
2.2	CÓ KHẢ NĂNG THỬ NGHIỆM, NGHIÊN CỨU VÀ KHÁM PHÁ TRI THỨC
2.2.1	Xây dựng, kiểm định và bảo vệ giả thuyết
2.2.2	Sử dụng các kỹ thuật khảo sát
2.2.3	Kỹ năng tiếp cận và khai thác hiệu quả các phương tiện - công nghệ mới.
2.3	CÓ KHẢ NĂNG TƯ DUY TẦM HỆ THỐNG
2.3.1	Khả năng tư duy tổng thể hệ thống
2.3.2	Áp dụng kiến thức liên ngành để giải quyết vấn đề
2.3.3	Khả năng giải quyết vấn đề
2.4	CÓ NHẬN THỨC VỀ TƯ TƯỞNG, THÁI ĐỘ VÀ TINH THẦN HỌC TẬP
2.4.1	Sáng tạo và sẵn sàng ra quyết định chấp nhận rủi ro

2.4.2	Kiên trì, sẵn sàng và quyết tâm, tháo vát và linh hoạt
2.4.3	Tư duy linh hoạt, thích ứng và sáng tạo
2.4.4	Sự tự nhận thức và tích hợp kiến thức liên ngành
2.4.5	Học tập và rèn luyện suốt đời
2.4.6	Khả năng tổ chức và quản lý thời gian
2.5	ĐẠO ĐỨC, CÔNG BẰNG VÀ CÁC TRÁCH NHIỆM KHÁC
2.5.1	Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực và trách nhiệm xã hội toàn cầu
2.5.2	Có tầm nhìn và định hướng trong cuộc sống
2.5.3	Cập nhật kiến thức và thông tin trong lĩnh vực kinh doanh và Hệ thống thông tin quản lý
2.5.4	Khả năng hội nhập, chấp nhận sự khác biệt và công bằng
2.5.5	Chịu áp lực cao, tin cậy và gắn bó với tổ chức
3	LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP
3.1	LÀM VIỆC NHÓM
3.1.1	Kỹ năng làm việc nhóm
3.1.2	Kỹ năng làm việc đa ngành và đa văn hóa
3.2	GIAO TIẾP
3.2.1	Kỹ năng giao tiếp đa phương tiện trong thời đại 4.0
3.2.2	Kỹ năng thuyết trình
3.2.3	Đàm phán, thỏa hiệp và giải quyết xung đột trong môi trường toàn cầu
3.2.4	Trí tuệ xã hội (social intelligence): kỹ năng kết nối nhiều người khác nhau để giao tiếp, thăm dò và dự đoán sự phản ứng trong công việc
3.3	GIAO TIẾP BẰNG NGOẠI NGỮ
3.3.1	Giao tiếp bằng tiếng Anh (TOEIC 4 kỹ năng: Nghe - đọc 550; Nói - viết 221 hoặc các chứng chỉ khác tương đương)
4	NĂNG LỰC HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI HTTTQL TRONG DOANH NGHIỆP

4.1	XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC BỐI CẢNH BÊN NGOÀI HỆ THỐNG
4.1.1	Tác động của lĩnh vực HTTTQL đối với xã hội và môi trường
4.1.2	Các quy tắc xã hội của lĩnh vực HTTTQL
4.1.3	Phát triển một quan điểm toàn cầu dựa trên bối cảnh lịch sử và văn hóa
4.2	BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP VÀ LĨNH VỰC KINH DOANH
4.2.1	Quản trị chuyển đổi số
4.2.2	Hiểu rõ tầm nhìn, chiến lược và mục tiêu của doanh nghiệp
4.2.3	Nhận diện cơ hội kinh doanh thông qua phát triển và vận hành các HTTTQL
4.2.4	Các mô hình cơ cấu tổ chức và văn hóa của doanh nghiệp
4.2.5	Ứng dụng các công nghệ mới
4.2.6	Vấn đề quản trị và kiểm soát tài chính
4.3	HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG GIẢI PHÁP HTTTQL VÀ MÔ HÌNH HÓA HỆ THỐNG
4.3.1	Khảo sát hiện trạng
4.3.2	Xác định nhu cầu và thiết lập các mục tiêu trong kinh doanh và quản lý
4.3.3	Phân tích và mô hình hóa các yêu cầu chức năng, định nghĩa các khái niệm và kiến trúc
4.3.4	Xác định các vấn đề liên quan đến phát triển và quản trị dự án
4.4	THIẾT KẾ
4.4.1	Khả năng vận dụng các kiến thức kỹ thuật, khoa học và qui trình nghiệp vụ trong thiết kế
4.4.2	Thiết kế cơ sở dữ liệu và hạ tầng công nghệ thông tin
4.4.3	Thiết kế các quy trình xử lý, các giao tiếp và các quy tắc giải quyết vấn đề
4.4.4	Thiết kế các quy tắc quản trị chất lượng, cài đặt, giám sát và kiểm thử, an toàn hệ thống, bảo mật hệ thống, phát triển hệ thống

4.5	XÂY DỰNG
4.5.1	Lập kế hoạch xây dựng và phát triển hệ thống
4.5.2	Quản lý quá trình xây dựng và phát triển hệ thống
4.5.3	Tích hợp hệ thống
4.5.4	Kiểm thử và đánh giá hệ thống
4.6	TRIỂN KHAI
4.6.1	Lập kế hoạch triển khai, xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả triển khai.
4.6.2	Xây dựng tài liệu và quy trình huấn luyện
4.6.3	Quản lý vòng đời của hệ thống
4.6.4	Quản trị vận hành hệ thống
4.6.5	Phát triển và cải thiện hệ thống

Các chuẩn đầu ra bổ sung cho chương trình CNTT ngành Hệ thống thông tin quản lý như sau:

Chuẩn đầu ra tiếng Anh cao hơn so với sinh viên chính quy. Chuẩn đầu ra tiếng Anh của sinh viên CNTT là TOEIC 550 so với sinh viên thường là 500.

Kỹ năng trình bày và thuyết trình bằng tiếng Anh tốt. Số sinh viên CNTT viết luận văn tốt nghiệp bằng tiếng Anh và trình bày báo cáo luận văn tốt nghiệp bằng tiếng Anh: 100 %

Các kỹ năng mềm được nâng cao và được rèn luyện, trong đó chú trọng kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng nghiên cứu khoa học. 100% sinh viên CNTT phải tham gia nghiên cứu khoa học (tối thiểu phải có 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường).

2. Thời gian đào tạo: 4 năm với 8 học kỳ

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

134 tín chỉ không kể khối kiến thức giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và ngoại ngữ.

4. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đã trúng tuyển đại học chính quy của trường
- Sinh viên chương trình tài năng có thể bắt đầu được tuyển chọn từ năm thứ nhất và hoặc năm thứ hai với chỉ tiêu xác định.
- Sinh viên phải có kết quả tuyển sinh cao và/hoặc điểm trung bình tích lũy (ĐTBTL) lớn hơn hoặc bằng 7,5; Sinh viên phải tích lũy từ 90% số tín chỉ theo chương trình đào tạo của các học kỳ trước khi xét vào lớp cử nhân tài năng.
- Sinh viên phải đang học cùng khóa, cùng ngành tương ứng với ngành muốn ứng tuyển vào chương trình tài năng.
- Ban điều hành đề án cấp Khoa chịu trách nhiệm thực hiện công tác sàng lọc và xét tuyển bổ sung. Quyết định chuyển đổi sinh viên giữa chương trình tài năng và chương trình đại trà do Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Luật ký và báo cáo về Ban chỉ đạo đề án cấp ĐHQG-TP.HCM.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Việc tổ chức đào tạo và quản lý đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học ban hành kèm theo Quyết định số 262/QĐ-ĐHQG ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

5.1 Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được chia làm 8 học kỳ:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương và cơ sở khối ngành: học kỳ 1, học kỳ 2, học kỳ 3, học kỳ 4.
- Khối kiến thức chuyên ngành: học kỳ 4, học kỳ 5, học kỳ 6, học kỳ 7.
- Thực tập cuối khóa, khóa luận tốt nghiệp hoặc học chuyên đề: học kỳ 7, 8.

5.2 Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên sẽ được cấp bằng tốt nghiệp ghi rõ “Chương trình đào tạo Tài năng” nếu thỏa đủ các điều kiện sau:

- Đang là sinh viên của chương trình tài năng

- Hoàn thành chương trình đào tạo tài năng (đạt số tín chỉ tích lũy ngành và số tín chỉ tài năng tích lũy) và thỏa các điều kiện tốt nghiệp khác theo quy định
- Hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn theo kế hoạch giảng dạy
- Có tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học
- Có điểm Khóa luận tốt nghiệp từ 7,5 trở lên; có điểm trung bình tích lũy ngành từ 7,5 trở lên và có điểm rèn luyện từ loại Tốt trở lên.
- Có trình độ Anh văn đạt chuẩn tiếng Anh tốt nghiệp chương trình tài năng được quy định trong Quy chế đào tạo và học vụ của trường.

Trường hợp sinh viên chương trình tài năng không thỏa đủ các điều kiện trên nhưng đủ điều kiện xét tốt nghiệp chương trình khác thì được xét cấp bằng tốt nghiệp chương trình khác. Đồng thời những môn học với chương trình tài năng sẽ được bảo lưu điểm và có ghi chú trên bằng điểm tốt nghiệp là môn học tài năng.

6. Thang điểm

Thang điểm sử dụng là thang điểm 10 và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

7. Chương trình đào tạo: 134 Tín chỉ

7.1 Tỷ lệ các khối kiến thức:

Hệ đào tạo	Thời gian đào tạo (năm)	Tổng khối lượng kiến thức	Kiến thức cơ bản	Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành			TTCK, KLTN hoặc các HPCĐ	Phân bố theo bắt buộc và tự chọn			Ghi chú
				Toàn bộ	Cơ sở khối ngành + nhóm ngành	Chuyên ngành		Bắt buộc	Tự chọn		
									Yêu cầu trong CTĐT	Được liệt kê để lựa chọn	
Đại học chính quy	4	134	39	20	12	53	2+4+4	106	24	56	Không kể phần kiến thức: ngoại ngữ(20TC), giáo dục thể chất (5 TC), giáo dục quốc phòng (165 tiết, tương đương 8TC)
		Tỷ lệ (%)	29	15	9	39	8	81.5	18.5		

7.2 Nội dung chi tiết chương trình đào tạo:

7.2.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương: 56 tín chỉ

7.2.1.1 Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 11 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
		Các môn học bắt buộc (10 TC)	11	11		
1	GEN1007	Triết học Mác – Lênin	3	3		
2	GEN1009	Lịch sử ĐCSVN	2	2		
3	GEN1008	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		
4	GEN1010	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		
5	GEN1011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		

7.2.1.2 Nhân văn – Kỹ năng: 4 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Không có môn học bắt buộc						
Các môn tự chọn (4 TC)			4	4		
1	GEN1101	Tâm lý học (*)	2	2		
2	GEN1102	Nhập môn khoa học giao tiếp (*)	2	2		
3	GEN1108	Nhân học đại cương	2	2		
4	BUS1303	Kỹ năng làm việc nhóm (**)	2	2		
5	GEN1112	Nghiệp vụ hành chính văn phòng (**)	2	2		

7.2.1.3 Khoa học xã hội: 4 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Không có môn học bắt buộc						
Các môn tự chọn (4 TC)			4	4		
1	GEN1106	Xã hội học (*)	2	2		
2	GEN1105	Văn hóa học (*)	2	2		
3	GEN1110	Cơ sở văn hóa Việt Nam (*)	2	2		
4	GEN1103	Địa chính trị thế giới (**)	2	2		

5	GEN1104	Quan hệ quốc tế (**)	2	2		
6	GEN1109	Lịch sử văn minh thế giới (**)	2	2		

7.2.1.4 Khoa học kinh tế: 22 tín chỉ (Nhóm TC khối ngành)

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Các môn học bắt buộc (22 TC)			22	22		
1	ECO1001	Kinh tế vi mô 1	3	3		
2	ECO1002	Kinh tế vĩ mô 1	3	3		
3	BUS1100	Quản trị học căn bản	3	3		
4	ACC1013	Nguyên lý kế toán	3	3		
5	FIN1101	Nguyên lý thị trường tài chính	3	3		
6	BUS1200	Marketing căn bản	3	3		
7	MIS1005	Hệ thống thông tin kinh doanh	2	2		
8	COM1001	Kinh tế quốc tế	2	2		

7.2.1.5 Ngoại ngữ không chuyên: 20 tín chỉ

ST T	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
1	ENG1001	Tiếng Anh thương mại 1	5	4	1	
2	ENG1002	Tiếng Anh thương mại 2	5	4	1	
3	ENG1003	Tiếng Anh thương mại 3	5	4	1	
4	ENG1004	Tiếng Anh thương mại 4	5	4	1	

7.2.1.6 Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên: 12 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Các môn học bắt buộc: 07 TC			7	7		
1	MAT1001	Toán cao cấp	3	3		

2	MAT1003	Thống kê ứng dụng	2	2		
3	MAT1002	Lý thuyết xác suất	2	2		
Các môn học tự chọn: 05 TC			2	2		
1	MIS1105	Chuyển đổi số và Trí tuệ nhận tạo	2	2		
2	GEN1107	Logic học	2	2		
3	ECO1060	Kinh tế số	2	2		
4	ECO1003	Phương pháp NCKH	3	3		Môn tài năng

7.2.1.7 Khoa học pháp lý: 6 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Các môn học bắt buộc: 6 TC			6	6		
1	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật	3	3		
2	LAW1501	Luật doanh nghiệp	3	3		

7.2.1.8 Giáo dục thể chất: 5 tín chỉ

7.2.1.9 Giáo dục quốc phòng: 165 tiết (tương ứng 8 tín chỉ)

7.2.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 65 tín chỉ

7.2.2.1 Kiến thức cơ sở nhóm ngành: 12 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	Môn tiên quyết	TÍN CHỈ			
				TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Các môn học bắt buộc: 12 TC				12	9	3	
1	MIS1006	Kỹ thuật lập trình		3	2	1	
2	MIS1036	Nền tảng công nghệ cho hệ thống thông tin		3	2	1	
3	MIS1011	Cơ sở dữ liệu		3	2	1	Môn tài năng
4	ACC1023	Kế toán tài chính		3	3		

7.2.2.2 Kiến thức ngành và chuyên ngành: 53 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	Môn tiên quyết	TÍN CHỈ			
				TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Các môn học bắt buộc: 36 TC				36	30	6	
1	MIS1106	Tư duy lập trình		3	2	1	
2	MIS1001	Giới thiệu ngành (406)		2	2		
3	MIS1009	Hệ thống thông tin quản lý		3	3		
4	MIS1114	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu		3	2	1	
5	MIS1109	Phát triển Web kinh doanh		4	3	1	Môn tài năng
6	MIS1017	Phân tích và thiết kế Hệ thống thông tin quản lý		3	2	1	Môn tài năng
7	MIS1015	Tích hợp quy trình kinh doanh với ERP1		3	2	1	Môn tài năng
8	MIS1108	Khai phá dữ liệu		3	3		Môn tài năng
9	MIS1019	Quản lý dự án hệ thống thông tin		3	3		Môn tài năng
10	MIS1028	An toàn và bảo mật Hệ thống thông tin quản lý		3	3		Môn tài năng
11	MIS1061	Trí tuệ doanh nghiệp và hệ hỗ trợ ra quyết định		3	2	1	
12	MIS1034	Thương mại điện tử		3	3		
Các môn học tự chọn: 17 TC				17	13	4	
1	MIS1080	Học máy (Machine Learning) trong phân tích kinh doanh		3	3		3 môn chọn 2
2	BUS1316	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo		3	3	Môn tài năng	
3	MIS1102	Chuyển đổi số trong kinh doanh		3	3		

4	MIS1063	Phát triển ERP mã nguồn mở		2	2		2 môn chọn 1
5	MIS1064	Hệ thống thông tin kế toán		2			
6	MIS1016	Tích hợp quy trình kinh doanh với ERP - P2		3	2	1	2 môn chọn 1
7	ACC1503	Lý thuyết kiểm toán		3	3		
8	MIS1021	Phân tích dữ liệu với R/Python		3	2	1	2 môn chọn 1
9	MIS1053	Phát triển thương mại di động		3	2	1	
10	BUS1102	Hành vi tổ chức		3			3 môn chọn 1
11	BUS1103	Quản trị nguồn nhân lực		3			

7.2.3 Kiến tập + Thực tập tốt nghiệp + Khóa luận tốt nghiệp/Học 2 chuyên đề TN): 10 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	Môn tiên quyết	TÍN CHỈ			
				TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
1	MIS1062	Kiến tập (406)		2		2	
2	MIS1067	Thực tập tốt nghiệp		4		4	Môn tài năng
3	MIS1068	Khóa luận tốt nghiệp		4		4	Môn tài năng

7.2.4 Danh mục các môn học tài năng:

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ	PHẦN MỞ RỘNG			
				ĐỒ ÁN/ĐỀ TÀI (ĐÁNH DẤU X VÀO MỘT TRONG HAI HÌNH THỨC SAU)		LÝ THUYẾT BỔ SUNG	THÍ NGHIỆM/ THỰC HÀNH BỔ SUNG
				LỚP RIÊNG	KHÔNG CÓ LỚP RIÊNG		
1	ECO1003	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	X			
2	BUS1316	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	3	X			
3	MIS1068	Khóa luận tốt nghiệp	4		X		
4	MIS1067	Thực tập tốt nghiệp	4		X		
5	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3		X		
6	MIS1019	Quản lý dự án Hệ thống thông tin	3		X		
7	MIS1017	Phân tích và thiết kế Hệ thống thông tin quản lý	3		X		
8	MIS1015	Tích hợp quy trình kinh doanh với ERP 1	3		X		
9	MIS1108	Khai phá dữ liệu	3		X		
10	MIS1028	An toàn và bảo mật Hệ thống thông tin	3		X		
11	MIS1061	Trí tuệ doanh nghiệp và hệ hỗ trợ ra quyết định	3		X		
12	MIS1109	Phát triển Web kinh doanh	4		X		
TỔNG TÍN CHỈ			39				

7.2.5 Ma trận chuẩn đầu ra – Môn học

[illegible]

[illegible]

8. Dự kiến Kế hoạch giảng dạy:

HỌC KỲ I – 20 TC (không bao gồm giáo dục thể chất)

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	16	15	1		
1	GEN1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			
2	ECO1001	Kinh tế học vi mô I	3	3			
3	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật (Pháp luật đại cương)	3	3			
4	MAT1001	Toán cao cấp (3TC)	3	3			
6	MIS1001	Giới thiệu ngành (406)	2	2			
7	MIS1106	Tuy duy lập trình	3	2	1		
		Môn học tự chọn	4	4			
8	GEN1105	Văn hóa học	2	2			
9	GEN1106	Xã hội học	2	2			
10	GEN1110	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2			
11	GEN1103	Địa chính trị thế giới	2	2			
12	GEN1104	Quan hệ quốc tế	2	2			
13	GEN1109	Lịch sử văn minh thế giới	2	2			
14	GEN1004	Giáo dục thể chất I	3	3			

HỌC KỲ II – 22 TC (không bao gồm giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng)

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	20	19	1		

1	LAW1501	Luật doanh nghiệp	3	3			
2	ECO1002	Kinh tế vĩ mô 1	3	3			ECO1001
3	ACC1013	Nguyên lý kế toán	3	3			
4	BUS1100	Quản trị học căn bản	3	3			
5	MAT1002	Lý thuyết xác suất	2	2		MAT1001	
6	MIS1006	Kỹ thuật lập trình	3	2	1		MIS1106
7	GEN1007	Triết học Mác – Lênin	3	3			
		Môn học tự chọn	2	2			
8	GEN1101	Tâm lý học đại cương	3 môn chọn 1	2	2		
9	GEN1102	Nhập môn khoa học giao tiếp		2	2		
10	GEN1108	Nhân học đại cương		2	2		
11	GEN1005	Giáo dục thể chất 2	2	2			
12	GEN1006	Giáo dục QP (4 tuần)	165t				

HỌC KỲ III (NĂM 2): 21 TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	16	16			
1	GEN1009	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2			
2	BUS1200	Marketing căn bản	3	3			
3	FIN1101	Nguyên lý thị trường tài chính	3	3		ECO1001 ECO1002	
4	MAT1003	Thống kê ứng dụng	2	2			
5	ACC1023	Kế toán tài chính	3	3			ACC1013
6	MIS1036	Nền tảng công nghệ cho HTTT	3	3			
		Môn học tự chọn	5	5			
7	ECO1003	Phương pháp NCKH	3	3		Môn tài năng	
8	MIS1105	Chuyển đổi số và Trí tuệ nhân tạo	2	2			
9	GEN1107	Logic học	2	2			
19	ECO1060	Kinh tế số	2	2			

HỌC KỲ IV: 23 TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	15	14	1		
1	ECO1051	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	2			

2	COM1001	Kinh tế học quốc tế		2	2			
3	MIS1005	Hệ thống thông tin kinh doanh		2	2		BUS 1100 ACC1013	
4	MIS1034	Thương mại điện tử		3	3		BUS1200	
5	MIS1009	Hệ thống thông tin quản lý		3	3			
6	MIS1011	Cơ sở dữ liệu		3	2	1		MIS1006
Môn học tự chọn				8	7	1		
7	BUS1303	Kỹ năng làm việc theo nhóm	2 môn chọn	2	2			
8	GEN1112	Nghị quyết vụ hành chính văn phòng		2	2			
9	MIS1080	Học máy (Machine Learning) trong phân tích kinh doanh	3 môn chọn	3	3			
10	BUS1316	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo		3	3		Môn tài năng	
11	MIS1102	Chuyển đổi số trong kinh doanh		3	3			

HỌC KỲ V (NĂM 3): 16 TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Môn học bắt buộc			13	9	4		
1	MIS1114	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu	3	2	1		MIS1011
2	MIS1012	Phát triển Web Kinh doanh	4	3	1	Môn tài năng	MIS1106 MIS1006

3	MIS1017	Phân tích & thiết kế Hệ thống thông tin quản lý	3	2	1	Môn tài năng	MIS1009 MIS1011
4	MIS1015	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 1	3	2	1	Môn tài năng	MIS1005
Môn học tự chọn: 3TC			3	3			
5	BUS1103	Quản trị nguồn nhân lực	2 môn chọn 1	3	3		BUS1100
6	BUS1102	Hành vi tổ chức		3	3		BUS1100

HỌC KỲ VI: 13 TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC		Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
				Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Môn học bắt buộc				10	9	1		
1	MIS1019	Quản lý dự án Hệ thống thông tin		3	3		Môn tài năng	BUS1100 MIS1009 MIS1017
2	MIS1061	Trí tuệ doanh nghiệp và và hệ hỗ trợ ra quyết định		3	2	1	Môn tài năng	MIS1009 MIS1011 MIS1013
3	GEN1010	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	2			
4	MIS1062	Kiến tập (406)		2	2			
Môn học tự chọn chuyên sâu				3	2-3	1-0		
5	MIS1016	Tích hợp quy trình kinh doanh với ERP 2	2 môn chọn 1	3	2	1		MIS1005 MIS1015
6	ACC1503	Lý thuyết kiểm toán		3	3	0		

HỌC KỲ VII (NĂM 4): 11 TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC		Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
				Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Môn học bắt buộc				6	6			
1	MIS1029	An toàn và bảo mật Hệ thống thông tin quản lý		3	3		Môn tài năng	MIS1009
2	MIS1108	Khai phá dữ liệu		3	3		Môn tài năng	MIS1011 MIS1033
Môn học tự chọn chuyên sâu				5	3-4	2-1		
3	MIS1064	Hệ thống thông tin kế toán	2 môn chọn 1	2	2	0		ACC1013
4	MIS1063	Phát triển ERP mã nguồn mở		2	1	1		MIS1005 MIS1015
5	MIS1021	Phân tích dữ liệu với R/Python	2 môn chọn 1	3	2	1		MIS1006 MIS1011
6	MIS1053	Phát triển thương mại di động		3	2	1		MIS1006

HỌC KỲ VIII: 8 TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	MIS1067	Thực tập tốt nghiệp	4		4	Môn tài năng	
2	MIS1068	Khóa luận tốt nghiệp	4		4	Môn tài năng	

KHỐI KIẾN THỨC NGOẠI NGỮ: 20 TC

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ENG1001	Tiếng Anh thương mại 1	5	4	1		Đầu vào A2
2	ENG1002	Tiếng Anh thương mại 2	5	4	1		ENG1001
3	ENG1003	Tiếng Anh thương mại 3	5	4	1		ENG1002
4	ENG1004	Tiếng Anh thương mại 4	5	4	1		ENG1003

Lưu ý: Sinh viên phải hoàn thành 130 tín chỉ để được nhận bằng tốt nghiệp:

- Đối với sinh viên không làm luận văn: trong đó có 118 tín chỉ bắt buộc, 12 tín chỉ tự chọn môn học chuyên sâu ngành.
- Đối với sinh viên làm luận văn: trong đó 114 tín chỉ bắt buộc, 04 tín chỉ sinh viên làm khóa luận và 12 tín chỉ tự chọn môn học tự chọn chuyên sâu ngành.

KHỐI TỰ CHỌN MỞ RỘNG (chọn 12 tín chỉ theo khối tự chọn mở rộng)

*Sinh viên có thể chọn lựa khối môn học tự chọn mở rộng của các chương trình giáo dục khác với chương trình giáo dục **chính** nhằm đa dạng hóa kiến thức tích lũy và kết quả học tập khối môn học tự chọn mở rộng được thể hiện thành khối kiến thức chương trình giáo dục **phụ** trên bảng điểm tốt nghiệp*

Chương trình giáo dục: Kinh tế học (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ECO1011	Kinh tế vi mô 2	4	4			
2	ECO1012	Kinh tế vĩ mô 2	4	4			
3	ECO1014	Kinh tế phát triển	4	4			
4	ECO1008	Kinh tế công	3	3			
5	ECO1013	Kinh tế lao động	3	3			

Chương trình giáo dục: Kinh tế và quản lý công (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ECO1022	Kinh tế công 2	2	2			
2	ECO1023	Chính sách công	4	4			
3	ECO1025	Quản lý công	3	3			
4	ECO1014	Kinh tế phát triển	3	3			
5	ECO1009	Kinh tế tài nguyên và môi trường	3	3			
6	ECO1008	Kinh tế lao động	3	3			

Chương trình giáo dục: Kinh tế đối ngoại (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1510	Luật thương mại quốc tế	3	3			
2	COM1011	Logistics	3	3			
3	COM1002	Kinh tế đối ngoại	3	3			
4	COM1009	Vận tải và bảo hiểm quốc tế	3	3			
5	COM1006	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3	3			

Chương trình giáo dục: Kinh doanh quốc tế (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	COM1020	Quản trị đa văn hoá	3	3			
2	COM1005	Kinh doanh quốc tế	3	3			
3	COM1004	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3	3			
4	COM1007	Tài chính quốc tế	3	3			
5	COM1015	Đầu tư quốc tế	3	3			

Chương trình giáo dục: Ngân hàng (chọn 12 TC)

ST T	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	FIN1201	Tiền tệ ngân hàng	3	3			
2	FIN1207	Quản trị ngân hàng	3	3			
3	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3	3			
4	FIN1206	Ngân hàng thương mại nâng cao	3	3			

5	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3	3			
6	FIN1105	Đầu tư tài chính	3	3			

Chương trình giáo dục: Tài chính doanh nghiệp (chọn 12 TC)

ST T	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3	3			
2	FIN1105	Đầu tư tài chính	3	3			
3	FIN1109	Phân tích chứng khoán	3	3			
4	FIN1104	Thuế	3	3			
5	FIN1207	Quản trị ngân hàng	3	3			
6	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3	3			

Chương trình giáo dục: Kế toán (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ACC1023	Kế toán tài chính	4	4		ACC1013	
2	ACC1502	Lý thuyết kiểm toán	3	3			
3	ACC1063	Kế toán phần hành 1	3	3		ACC1013	
4	ACC1153	Thuế - thực hành và khai báo	3	3			
5	ACC1582	Phân tích báo cáo tài chính	2	2		ACC1034	

Chương trình giáo dục: Kiểm toán (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ACC1033	Kế toán tài chính 1	3	3		ACC1013	
2	ACC1043	Kế toán tài chính 2	3	3		ACC1013	
3	ACC1503	Lý thuyết kiểm toán	3	3			
4	ACC1083	Kế toán quốc tế	3	3		ACC1013	
5	ACC1583	Phân tích báo cáo tài chính	3	3		ACC1034	

Chương trình giáo dục: Hệ thống thông tin quản lý (chọn 12 TC)

(sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm)

Sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Nhóm 1 (Hướng hoạch định nguồn lực doanh nghiệp - ERP)							
1	MIS1017	Phân tích & Thiết kế hệ thống thông tin quản lý	3	3			
2	MIS1015	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - Phần 1	3	3			
3	MIS1016	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - Phần 2	3	3			
4	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	2	1		
Nhóm 2 (Hướng phân tích dữ liệu)							
1	MIS1017	Phân tích & Thiết kế hệ thống thông tin quản lý	3	3			
2	MIS1021	Phân tích dữ liệu với R/Python	3	2	1		
3	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	2	1		
4	MIS1061	Trí tuệ doanh nghiệp và hệ hỗ trợ ra quyết định	3	3			

Chương trình giáo dục: Thương mại điện tử (chọn 12 TC)

(sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Nhóm 1: E-Marketing							
1	MIS1034	Thương mại điện tử	3	3			
2	MIS1040	Marketing điện tử	3	3			
3	MIS1031	Quản trị quan hệ khách hàng điện tử (e-CRM)	3	3			
4	MIS1042	Thanh toán điện tử	3	3			
Nhóm 2: Quản trị TMDT và Chuyển đổi số							
1	MIS1107	Quản trị chuyển đổi số	3	3			
2	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	2	1		
3	MIS1021	Phân tích dữ liệu với R/Python	3	2	1		
4	MIS1102	Chuyển đổi số trong kinh doanh	3	3			

Chương trình giáo dục: Quản trị kinh doanh, Marketing (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	BUS1103	Quản trị nguồn nhân lực	3	Chọn 3 trong 5 môn			
2	BUS1105	Quản trị chiến lược	3				
3	BUS1205	Quản trị marketing	3				
4	BUS1207	Quản trị truyền thông	3				
5	BUS1210	Nghiên cứu marketing	3				

6	BUS1300	Nghệ thuật lãnh đạo	3	Chọn 1 trong 2 môn		
7	BUS1308	Kỹ năng bán hàng	3			

Chương trình giáo dục: Luật kinh doanh; Luật thương mại quốc tế (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1502	Luật hợp đồng	3	3			
2	LAW1504	Luật sở hữu trí tuệ	3	3			
3	LAW1503	Luật Thương mại	3	3			
4	LAW1505	Luật Đất đai	3	3			
5	LAW1508	Luật cạnh tranh	3	3			
6	LAW1518	Luật Kinh doanh quốc tế	3	3			

Chương trình giáo dục: Luật dân sự (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1101	Những vấn đề chung về luật dân sự	3	3			LAW1001
2	LAW1103	Nghĩa vụ ngoài hợp đồng	2	2			LAW1001 LAW1101 LAW1102
3	LAW1108	Pháp luật về tài sản trong gia đình	2	2			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1107
4	LAW1109	Tổ tụng dân sự	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
5	LAW1114	Hợp đồng lao động và giải quyết tranh chấp	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1109 LAW1113

Chương trình giáo dục: Luật Tài chính – Ngân hàng (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1101	Những vấn đề chung về luật dân sự	3	3			LAW1001
2	LAW1201	Luật ngân hàng	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
3	LAW1206	Luật chứng khoán	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
4	LAW1212	Luật thuế	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1207

9. Kế hoạch thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp

9.1 Thực tập tốt nghiệp:

9.1.1 Chuẩn bị:

Đầu học kỳ VII, Khoa gặp gỡ sinh viên phổ biến về kế hoạch thực tập tốt nghiệp: Thời gian, yêu cầu doanh nghiệp thực tập, đề tài báo cáo, nội dung báo cáo,...; Định hướng cho sinh viên chọn đề tài báo cáo; Quy trình sinh viên liên hệ tìm doanh nghiệp thực tập (tự liên hệ và với sự hỗ trợ của Trung tâm hỗ trợ sinh viên và quan hệ doanh nghiệp của Trường); Trả lời các câu hỏi của sinh viên;....

Khoa cung cấp giấy giới thiệu cho sinh viên và mọi hỗ trợ cần thiết để sinh viên liên hệ doanh nghiệp thực tập.

Sau khi liên hệ được doanh nghiệp thực tập, sinh viên đăng ký sơ bộ đề tài báo cáo tốt nghiệp, với đề nghị giảng viên hướng dẫn nếu có thỏa thuận với giảng viên.

Khoa phân công giảng viên hướng dẫn cho từng sinh viên.

Cuối học kỳ VII, Sinh viên gặp gỡ giảng viên hướng dẫn, trao đổi cụ thể về kế hoạch thực tập tốt nghiệp và viết báo cáo thực tập.

9.1.2 Thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp và viết báo cáo:

- Sinh viên bắt đầu thực tập từ tuần đầu tiên của Học kỳ 8
- Sinh viên sẽ xin triển khai đề tài khóa luận của mình tại doanh nghiệp và theo sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn
- Kết thúc thời gian thực tập (10 tuần), sinh viên nộp báo cáo và nhận xét đánh giá của doanh nghiệp thực tập.
- Sinh viên tiếp tục hoàn thành đề tài để chuẩn bị báo cáo khóa luận vào tuần 16 của học kỳ 8

9.2 Làm khóa luận tốt nghiệp

- Khoa phân công giảng viên hướng dẫn làm khóa luận tốt nghiệp đối với sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận.
- Sinh viên thực hiện khóa luận tốt nghiệp dưới sự hướng dẫn của giảng viên trong thời gian từ khi sinh viên học chuyên đề đến khi kết thúc thực tập.

- Sinh viên viết đề cương chi tiết về khóa luận, nộp cho giảng viên hướng dẫn.
- Giảng viên hướng dẫn góp ý, chỉnh sửa Đề cương chi tiết.
- Bộ môn góp ý về đề cương chi tiết của sinh viên.
- Sinh viên vừa thực tập tại doanh nghiệp (hoặc với giáo viên hướng dẫn) vừa triển khai để hoàn thành khóa luận.
- Giảng viên hướng dẫn viết nhận xét với điểm đánh giá.
- Khóa luận được phản biện và bảo vệ khóa luận tốt nghiệp trước hội đồng

❖ **Thỏa thuận của các đơn vị, cơ sở bên ngoài về việc nhận sinh viên thực tập:**

Trường đại học Kinh tế - Luật có ký thỏa thuận hợp tác với nhiều doanh nghiệp, đơn vị trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là những đơn vị hoạt động trong lĩnh vực quản lý, bao gồm những doanh nghiệp tiếp nhận sinh viên thực tập. Các doanh nghiệp, đơn vị mà Trường đại học Kinh tế - Luật đã ký thỏa thuận hợp tác là: Công ty Cổ phần VNG, Công ty CP Thế giới di động, Công ty Golden Digital, Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank), Công ty CP Global Cybersoft, Công ty DCA Creative, Công ty TNHH Web7mau, Công ty CP Smartlink, Công ty Giải Pháp Điện tử E-Solution, CT TNHH Phần mềm E Việt (Viet Software),...

10. Tóm tắt đề cương môn học

STT	Tên môn	Tín chỉ	Điều kiện tiên quyết	Mô tả nội dung môn học
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Môn học trang bị cho người học những tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại; Đảng Cộng sản Việt Nam; về-xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, nhân văn và văn hoá.
2	Kinh tế vi mô 1 (MICROECONOMICS)	3		Bao gồm những nội dung cơ bản của kinh tế vi mô: Cung cầu thị trường, cân bằng cung cầu, hành vi người tiêu dùng, doanh nghiệp và sản xuất, lý thuyết chi phí, thị trường cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền, độc quyền nhóm, cạnh

				tranh độc quyền, thị trường yếu tố sản xuất....
3	Lý luận nhà nước và pháp luật (FUNDAMENTALS OF LEGISLATION)	3		Nội dung môn học bao gồm 7 chương về các vấn đề của pháp luật và hệ thống luật Việt Nam
4	Toán cao cấp (Higher Mathematics)	3		Phần đầu của môn học trang bị các kiến thức nhập môn về đại số tuyến tính (ĐSTT) và một số ứng dụng cơ bản của ĐSTT trong kinh tế, đặc biệt là quan hệ tuyến tính (QHTT). Phần 2 trang bị kiến thức về phép tính vi phân hàm nhiều biến, sơ lược về tích phân bội và phương trình vi phân, các ứng dụng cơ bản của giải tích một biến và nhiều biến trong kinh tế. <u>Sếp</u> Nội dung bao gồm: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính; không gian R^n; giá trị riêng, vector riêng của ma trận; dạng toàn phương; một số ứng dụng cơ bản của ĐSTT và QHTT trong kinh tế; bài toán QHTT và phương pháp đơn hình, bài toán QHTT đối ngẫu. Hàm nhiều biến, sơ lược về giới hạn và tính liên tục của hàm hai biến, đạo hàm riêng và vi phân, cực trị địa phương và cực trị toàn cục của hàm hai biến; sơ lược về tích phân kép và phương trình vi phân cấp 1, cấp 2; ứng dụng của giải tích một biến và nhiều biến trong kinh tế.
5	Giới thiệu ngành HTTTQL (Introduction to Management Information Systems Course)	2		Môn học gồm 3 phần: Phần một: Giới thiệu cơ bản về ngành Hệ thống thông tin quản lý, các khái niệm cơ bản về tổ chức, doanh nghiệp, quy trình nghiệp vụ, quản trị, ... Phần hai: Giới thiệu về chương trình đào tạo ngành Hệ thống thông tin quản lý, cấu trúc các chuỗi môn học. Phần ba: Tham quan và tiếp xúc doanh nghiệp, cực sinh viên, thực hiện các tiểu luận, trình bày, thảo luận nhóm về các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin quản trị doanh nghiệp, các giải



			pháp hệ thống thông tin quản lý đang được áp dụng tại các doanh nghiệp hiện nay, các định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực hệ thống thông tin quản lý.
6	Tư duy lập trình	3	Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về tư duy lập trình, cách tiếp cận các phương pháp lập trình, viết lưu đồ giải thuật. Kỹ năng lập trình các ứng dụng cơ bản với ngôn ngữ Python, cách tách chương trình thành nhiều module để xử lý, cách chuyển thể các nghiệp vụ ngoài đời thực vào phần mềm máy tính.
7	Văn hóa học (CULTURISM)	2	Trang bị cho sinh viên các kiến thức, phương pháp học tập, nghiên cứu sau: - Phương pháp, đối tượng nghiên cứu văn hoá học. - Khái niệm văn hoá, văn minh, các trào lưu, trường phái văn hoá học. - Phương pháp ứng dụng văn hoá học trong kinh tế, du lịch. - Chủ trương, chính sách văn hoá, văn hoá học trong bối cảnh mới.
8	Xã hội học (SOCIOLOGY)	2	Ngoài việc giới thiệu một số kiến thức lý luận, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu xã hội học..., môn học còn giúp sinh viên hiểu rằng xã hội là một hệ thống phong phú bởi nó bao gồm nhiều vấn đề phức tạp của xã hội hiện đại. Nội dung môn học gồm 14 chương, trình bày sơ lược về những điều kiện, tiền đề của sự ra đời ngành xã hội học, lịch sử hình thành và phát triển của khoa học này (từ chương 1 đến chương 3), những vấn đề cơ bản của xã hội học (từ chương 4 đến chương 12), các chuyên ngành xã hội học (chương 13) và phương pháp nghiên cứu xã hội học (chương 14).
9	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Ngoài các lý luận cơ bản về văn hóa, văn hóa học và định vị chủ thể, không gian, tiến trình văn hóa Việt Nam, môn học bao gồm các tri thức về các thành tố văn hóa cơ bản: văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức, văn hóa ứng xử của

				Việt Nam.
10	Địa chính trị thế giới (POLITIC POLICIES IN THE WORLD)	2		Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những lý thuyết về Địa chính trị trên thế giới, trên cơ sở đó phân tích, lý giải và nắm vững các sự kiện chính trị, diễn biến chính trị theo các khu vực địa lý từ không gian hẹp của một vùng, quốc gia, một khu vực (nhóm quốc gia) đến các châu lục và toàn cầu.
11	Quan hệ quốc tế (INTERNATIONAL RELATIONS)	2		Môn học sẽ nghiên cứu về các chủ thể trong quan hệ quốc tế, quyền lực trong quan hệ quốc tế, Hệ thống quốc tế, Công cụ trong quan hệ quốc tế, Công cụ trong quan hệ quốc tế, Hợp tác và hội nhập trong quan hệ quốc tế
12	Lịch sử văn minh thế giới	2		Nhập môn Lịch sử văn minh thế giới: khái niệm lịch sử, văn hóa, văn minh, văn hiến, Phương Đông, Phương Tây, phân kỳ lịch sử, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và tiếp cận, ý nghĩa môn học... Lịch sử Văn minh Phương Đông: Văn minh Ai Cập cổ đại; Văn minh Ấn Độ; Văn minh Trung Hoa; Văn minh Ả-rập Lịch sử Văn minh Phương Tây: Văn minh Phương Tây cổ đại: Hy Lạp và La Mã; Văn minh Phương Tây Âu trung đại Khái lược sự tiếp xúc, giao lưu văn minh Phương Đông và Phương tây thời cổ - trung đại. Phần văn minh Lưỡng Hà cổ đại, Văn minh công hiệp và Văn minh thế kỷ XX người học tự nghiên cứu và trao đổi với giảng viên.
13	Giáo dục thể chất 1	3		Sinh viên nắm được các nguyên tắc và phương pháp luyện tập thể dục thể thao và tác dụng của việc luyện tập này đối với sự phát triển của cơ thể; các kỹ thuật và các luật qui định đối với một số môn thể thao như cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, võ thuật, aerobic...
14	Luật doanh nghiệp (Corporation law)	3		Những nội dung cơ bản về doanh nghiệp cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về loại hình doanh nghiệp, mô tả cơ bản quy chế pháp lý về từng loại hình doanh nghiệp;

				Trong từng nội dung cụ thể, nội dung của môn học sẽ giúp người học tiếp cận từng vấn đề cụ thể trong việc tổ chức quản trị doanh nghiệp, quy định về quy chế tài chính của doanh nghiệp và quan hệ pháp lý giữa chủ sở hữu với doanh nghiệp, các thành viên công ty với nhau; Nội dung môn học còn giúp người học nắm rõ quy chế pháp lý về tổ chức lại doanh nghiệp như chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và chuyển đổi các loại hình doanh nghiệp.
15	Kinh tế vĩ mô I (MACROECONOMICS)	3	Toán cao cấp, Kinh tế học vi mô	Môn học gồm 9 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản phân tích tương tác giữa các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản. Gồm các nội dung cơ bản sau: - Tính sản lượng quốc gia và thu nhập quốc dân - Xác định tổng cung, tổng cầu, chính sách tài khoá - Thị trường tiền tệ và chính sách tiền tệ - Lạm phát và thất nghiệp - Nền kinh tế mở - Tăng trưởng và phát triển kinh tế
16	Nguyên lý kế toán (PRINCIPLES OF ACCOUNTING)	3		Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về kế toán như vai trò, chức năng, nhiệm vụ, ... của kế toán; Ngoài ra môn học này còn giúp sinh viên nắm chắc nội dung các phương pháp và nguyên tắc kế toán tạo tiền đề giúp sinh viên tiếp tục nghiên cứu các môn kế toán ngành.
17	Quản trị học căn bản (MANAGEMENT THEORIES)	3		Môn học cung cấp cho người học những nguyên lý và kỹ thuật cần được thực hiện khi con người kết hợp với nhau thành các tổ chức để hoàn thành những mục tiêu chung. Môn học bắt đầu với quản trị là gì và nhà quản trị là ai, làm gì, làm việc ở đâu? Tại sao phải nghiên cứu quản trị? Những khía cạnh của môi trường bên trong và bên ngoài của tổ chức và tác động của các yếu tố môi trường đến hoạt động của tổ chức. Nguyên tắc, hình thức và nguồn thông tin: thông tin trong tổ chức và quản trị thông tin như thế nào? Các mô hình và khái niệm cơ bản được

				các nhà quản trị trong tổ chức sử dụng để đưa ra các quyết định. Bốn chức năng quản trị cơ bản: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra.
18	Lý thuyết xác suất (PROBABILITY AND STATISTICS)	2	Toán cao cấp	Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản và cốt lõi của lý thuyết xác suất nhằm giúp sinh viên hiểu được các hiện tượng ngẫu nhiên - đối tượng nghiên cứu cơ bản của xác suất; hiểu và biết tính khả năng xảy ra (xác suất) của các biến cố ngẫu nhiên và biết áp dụng một cách thích hợp trong thực tiễn. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên một số quy luật phân phối xác suất cơ bản thông dụng làm nền tảng cho các môn Thống kê ứng dụng và Kinh tế lượng.
19	Kỹ thuật lập trình (PROGRAMMING TECHNIQUES)	3		Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức nâng cao về kỹ năng lập trình ứng dụng với Python, kiến thức về lập trình hướng đối tượng, xử lý tập tin, đóng gói thư viện.
20	Triết học Mác - Lênin	3		Trang bị cho sinh viên hệ thống những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của Triết học Mác - Lênin. Bước đầu biết vận dụng các nguyên lý cơ bản của Triết học Mác - Lênin vào phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn cuộc sống đặt ra.
21	Tâm lý học đại cương (FUNDAMENTAL PSYCHOLOGY)	2		Thông qua môn học sinh viên có khả năng nắm được những đặc điểm đặc trưng, cơ chế nảy sinh, hình thành và biểu hiện cụ thể của các hiện tượng tâm lý cơ bản của con người qua đó biết vận dụng những hiểu biết về tâm lý vào trong giao tiếp ứng xử và trong cuộc sống lao động, học tập.

22	Nhập môn khoa học giao tiếp (INTRODUCTION TO SCIENCE COMMUNICATION)	2	Môn học bao gồm 9 chương. Qua đó giới thiệu cho sinh viên hiểu rõ các khái niệm cơ bản về giao tiếp, truyền thông; thế nào là hành vi, nguồn gốc của hành vi. Đồng thời sinh viên nhận thức nhu cầu là động lực giúp con người hành động và tự đánh giá mình. Sinh viên nhận thức được về các yếu tố của truyền thông không lời và truyền thông có lời từ đó biết cách cải tiến truyền thông có lời hiệu quả để tăng cường và phát triển mối quan hệ...
23	Nhân học đại cương	2	Kiến thức (G2.1): Là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, nên mục tiêu trang bị cho sinh viên những kiến thức để (G2.1.1) hiểu ngành khoa học nghiên cứu về con người, trên các phương diện sinh học, văn hóa, xã hội; (G2.1.2) hiểu mối liên hệ giữa ngành nhân học với các ngành khoa học khác như lịch sử, triết học, tôn giáo, tâm lý học...; (G2.1.3) hiểu về phương pháp, lý thuyết và cách tiếp cận nghiên cứu của ngành nhân học. Kỹ năng (G2.2): Trang bị cho sinh viên các kỹ năng trong (G2.2.1) nghiên cứu nghiên cứu nhân học, (G2.2.2) hiểu về cách vận dụng phương pháp, lý thuyết khi nghiên cứu cứu những vấn đề liên quan đến nhân học. Thái độ (G2): Sinh viên biết tôn trọng sự đa dạng văn hóa của các tộc người người ở Việt Nam và trên thế giới.
24	Giáo dục thể chất 2	2	Sinh viên nắm được các nguyên tắc và phương pháp luyện tập thể dục thể thao và tác dụng của việc luyện tập này đối với sự phát triển của cơ thể; các kỹ thuật và các luật qui định đối với một số môn thể thao như cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, võ thuật, aerobic...

25	Giáo dục quốc phòng (4 tuần)	165 tiết		Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của một quốc gia, các kỹ thuật và chiến thuật cơ bản trong quân sự, và vai trò của chính trị quân sự trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của một quốc gia. Kết thúc môn học, sinh viên nâng cao nhận thức về vấn đề an ninh quốc phòng và có ý thức trong việc bảo vệ an ninh quốc gia.
26	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những nhận thức về: Vai trò của Đảng cộng sản Việt Nam trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước, kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đồng thời còn cung cấp toàn cảnh những đổi mới quan trọng về nhận thức và chính sách của Đảng từ năm 1986 trở lại đây qua các kì đại hội đảng. Những bài học kinh nghiệm này là cơ sở để người học củng cố lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc và ý thức trách nhiệm của người học trong xây dựng niềm tin về sự lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh hội nhập hiện nay.
27	Marketing căn bản (PRINCIPLES OF MARKETING)	3		Môn học Marketing căn bản tập trung giảng dạy các lý thuyết cơ bản về phân tích môi trường marketing, khách hàng, ngành và đối thủ cạnh tranh; phân khúc thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu; và một số vấn đề liên quan đến sản phẩm, định giá, phân phối bán hàng và chiêu thị và Thương hiệu.
28	Nguyên lý thị trường tài chính (ECONOMICS OF MONEY AND FINANCIAL MARKETS)	3	Kinh tế học căn bản	Gồm những kiến thức liên quan đến công cụ, kỹ năng, phương pháp tư duy kinh tế ở một số nguyên lý kinh tế cơ bản như: cấu trúc và tổ chức của thị trường tài chính trong và ngoài nước; giải thích phạm trù tài chính, vai trò ngân sách nhà nước; một cách tiếp cận đơn giản với vấn đề lựa chọn tài sản đầu tư (lý thuyết lượng cầu tài sản); khái niệm về sự cân bằng, phân tích cung cầu; phân tích biến động và cấu trúc rủi ro của lãi suất; hoạt động trên thị trường ngoại hối; chênh lệch thông tin (lựa chọn

				ngịch và rủi ro đạo đức).....
29	Thống kê ứng dụng	2	Toán Cao cấp, Lý thuyết Xác suất	Cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp điều tra thống kê bao gồm việc thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế – xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập. Trang bị các phương pháp phân tích kinh tế – xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho các quyết định trong quản lý kinh tế.
30	Kế toán tài chính (Financial Accounting)	3		Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp, các nghiệp vụ và phương pháp, trình tự hạch toán kế toán của một số phần hành kế toán (kế toán vốn bằng tiền, kế toán các khoản nợ phải thu – các khoản ứng trước, kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, kế toán lương và các khoản trích theo lương, kế toán tài sản cố định và bất động sản đầu tư, kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm).
31	Nền tảng công nghệ cho HTTT (DIGITAL INFRASTRUCTURE FOR INFORMATION SYSTEM)	3		MH tập nền tảng mạng, công nghệ cho kết nối IOT cho hạ tầng công nghệ
32	Phương pháp nghiên cứu liên ngành (INTERDISCIPLINARY RESEARCH METHODOLOGY)	2		Môn “Phương pháp nghiên cứu khoa học” được giảng dạy với các nội dung chính: nghiên cứu, các bước tiến hành một nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu liên ngành, định lượng và nghiên cứu định tính, các phương pháp thu thập thông tin, dữ liệu và các phương pháp phân tích số liệu phục vụ nghiên cứu, các nội dung và trình tự nội dung của một báo cáo nghiên cứu như luận văn, và giới thiệu những vấn đề nghiên cứu liên ngành trong hệ thống thông tin quản lý và thương mại điện tử. Trong các nội dung trình bày sẽ có các thảo luận về bài tập tình huống có liên quan, đồng thời gợi ý các chuyên đề (tiểu luận) và cách thức trình bày kết quả một nghiên cứu cũng như vận dụng phương pháp được học trong suốt quá trình học tập và

				nghiên cứu của sinh viên.
33	Chuyển đổi số và Trí tuệ doanh nghiệp	2		Môn học này cung cấp những kiến thức lý thuyết và thực tế từ các lĩnh vực của Chuyển đổi số và Trí tuệ nhân tạo. Đây là một môn học giúp các sinh viên tiếp cận và xây dựng nền tảng học thuật vững chắc cho việc nghiên cứu về chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo trong tương lai của nền công nghiệp 4.0. Môn học cung cấp các kiến thức nền tảng liên quan cũng những tình huống thực tế từ các doanh nghiệp đã và đang áp dụng chuyển đổi số cũng như ứng dụng Trí tuệ nhân tạo để giải các bài toán nghiệp vụ chuyên môn trong kinh tế, kinh doanh và quản lý, hình thành ý tưởng và lên kế hoạch ứng dụng chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý.
34	Logic học (LOGIC)	2		Môn học này được biên soạn dựa vào chương trình giáo dục đại học Đại cương do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành năm 1995, mã số 051 (TR) 201 Nhập môn Logic học Chương trình giảng dạy trên lớp là 45 tiết (tương đương 3 đơn vị học trình). Môn học giới thiệu 6 chương: đại cương về logic, Những quy luật cơ bản của tư duy, Khái niệm, Phán đoán, Suy luận, Chứng minh, bác bỏ ngụy biện và những bài tập ứng dụng nhằm cung cấp 1 số kiến thức logic căn bản như là phương tiện tối thiểu để rèn luyện và nâng cao kỹ năng tư duy cho người học, giúp người học tư duy nhanh, chính xác, lập luận chặt, chứng minh, bác bỏ một cách thuyết phục, trình bày tư tưởng ngắn gọn, khúc chiết, rõ ràng, mạch lạc, biết phát hiện đúng sai, tráo trở, ngụy biện trong lập luận của người khác.
35	Kinh tế số	2	Kinh tế vi mô	Môn học trang bị cho người học những vấn đề lý luận cơ bản, các hình thái và đo lường kinh tế số. Thực trạng ứng dụng trong các lĩnh vực nhất định của nền kinh tế và vai trò của chính phủ

				trong nền kinh tế số. Kết thúc môn học, người học cần hiểu và áp dụng những vấn đề cơ bản của kinh tế số, như khái niệm, các hình thái, biểu hiện của kinh tế số trong các lĩnh vực nhất định. Phân tích, đánh giá kinh tế số thông qua các chỉ tiêu đo lường kinh tế. Áp dụng các kiến thức về kinh tế số trong các lĩnh vực nhất định để tự trang bị thêm kiến thức, xu hướng và nhận thức thực tiễn.
36	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2		Những lý luận cơ bản của kinh tế chính trị học Mác – Lênin, gồm: lý luận sản xuất hàng hoá, các quy luật căn bản của thị trường; lý luận giá trị thặng dư của C.Mác; lý luận về chủ nghĩa tư bản độc quyền và độc quyền nhà nước. Nội dung cơ bản về vận dụng học thuyết Mác-Lênin trong thời kỳ xây dựng CNXH ở Việt Nam: kinh tế thị trường định hướng XHCN; vấn đề sở hữu và quan hệ lợi ích; công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, hội nhập quốc tế.
37	Kinh tế quốc tế (International Economics)	2	Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô	Môn học gồm 7 chương, xem phần nội dung chi tiết môn học.

38	Hệ thống thông tin kinh doanh (Business Information System)	2		Môn học gồm 2 phần: Phần I: Giới thiệu các khái niệm cơ bản như Tổ chức, Doanh nghiệp, Nghiệp vụ trong doanh nghiệp, Hệ thống quản trị doanh nghiệp và đặc biệt là khái niệm ERP (Enterprise Resource Planning – Hoạch định nguồn lực trong doanh nghiệp). Trình bày các qui trình, giai đoạn và những vấn đề đặt ra trong việc xây dựng & triển khai các Hệ thống ERP, vai trò của ERP đối với việc hỗ trợ quản trị doanh nghiệp. Trong phần này, sinh viên được tiếp cận cũng như thực hành trên Hệ thống ERP được xem là có qui mô lớn nhất hiện nay trên toàn thế giới là SAP ERP với gói Dataset GBI phiên bản 2.1 2011 (gói này chứa dữ liệu của doanh nghiệp mẫu Global Bike Incorporated do SAP xây dựng để phục vụ cho việc đào tạo về ERP cho các trường đại học có tham gia chương trình SAP UAP – University Alliances Program, trong đó trường đại học Kinh tế - Luật là một thành viên). Phần II: Trình bày các phân hệ chuẩn của SAP ERP và các qui trình nghiệp vụ chủ chốt là Kế toán (Accounting), Bán hàng (Fulfillment), Mua hàng (Procurement). Trình bày sự tích hợp của các qui trình này trong một Hệ thống ERP qua các Master data, tính Cross-functional giữa các qui trình để tạo nên một Hệ thống nghiệp vụ thống nhất.
39	Thương mại điện tử (E-COMMERCE)	3	Quản trị học căn bản	Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức chung về TMĐT cũng như các vấn đề cần nắm bắt liên quan đến phát triển hệ thống TMĐT, xây dựng dự án kinh doanh thương mại điện tử.
40	Hệ thống thông tin quản lý (Management Information Systems)	3		Môn học gồm 4 phần: Phần một: giới thiệu các kiến thức tổng quan về hệ thống thông tin, các thành phần của một hệ thống thông tin. Phần hai: cung cấp các kiến thức về các loại hệ thống thông tin theo các khía cạnh quản lý và chức năng; các hệ thống thông tin trong thực tế hiện nay như ERP, SCM, CRM.

				Phần ba: trang bị kiến thức về quy trình xây dựng và phát triển hệ thống thông tin. Phần bốn: giới thiệu kiến thức để quản lý, bảo mật và kiểm soát hệ thống thông tin.
41	Cơ sở dữ liệu (INTRODUCTION TO DATABASE)	3		Môn học trình bày về vai trò, nhu cầu và cách thức của việc quản trị dữ liệu có cấu trúc trong các hệ thống thông tin doanh nghiệp. Môn học giới thiệu các mô hình cơ sở dữ liệu phổ biến, đi sâu vào trình bày và phân tích về mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ và các ứng dụng. Sau khi hoàn thành môn học, người học sẽ có đủ các kỹ năng và kiến thức cần thiết để thực hiện đầy đủ các giai đoạn của quá trình xây dựng một cơ sở dữ liệu đáp ứng nhu cầu lưu trữ và khai thác thông tin cho các vấn đề quản trị được đặt ra. Môn học gồm 4 phần: • Phần một: Giới thiệu về cơ sở dữ liệu và mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ, các giai đoạn xây dựng cơ sở dữ liệu. • Phần hai: Sử dụng ngôn ngữ truy vấn dữ liệu có cấu trúc – SQL trong quản trị cơ sở dữ liệu và khai thác thông tin. • Phần ba: Chuẩn hóa cơ sở dữ liệu, giới thiệu các dạng chuẩn, đưa ra các giải pháp để đánh giá và tối ưu hóa cơ sở dữ liệu. • Phần bốn: Lập trình phần mềm khai thác cơ sở dữ liệu với Python.

42	Kỹ năng làm việc theo nhóm (Teamwork)	2	Quản trị học, Marketing căn bản	Kỹ năng làm việc nhóm là một trong những kỹ năng mềm rất cần thiết trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong công việc. Muốn có kỹ năng làm việc nhóm tốt, các sinh viên phải hiểu rõ các lý thuyết cơ bản và bản chất quá trình nhóm làm việc, đồng thời các sinh viên phải vận dụng, phải quan sát và trải nghiệm thực tế để tự rút ra các bài học. Sinh viên sẽ có thể áp dụng được các kỹ năng làm việc nhóm vào quá trình học tập; thành lập, xây dựng nhóm, phân công công việc hợp lý; xây dựng được quy tắc làm việc chung trong nhóm; biết cách áp dụng các nguyên tắc và các kỹ năng cơ bản trong làm việc nhóm; thực hành được một số kỹ năng làm việc nhóm như: kỹ năng trình bày, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng xử lý mâu thuẫn, kỹ năng tổ chức cuộc họp, kỹ năng lãnh đạo; và duy trì được tinh thần làm việc đồng đội hiệu quả. Môn học này phục vụ cho rất nhiều đối tượng: làm việc trong kinh doanh, hành chính, trong nhóm công tác xã hội, làm việc với cộng đồng, Đặc biệt đối với sinh viên, kỹ năng làm việc nhóm sẽ giúp các bạn hòa nhập nhanh chóng với môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp và thăng tiến sự nghiệp.
43	Nghị vụ hành chính văn phòng	2		Môn học trang bị cho sinh viên cá kiến thức, kỹ năng định, tổ chức các cuộc họp, hội nghị và các chuyến đi công tác; thực hành quản trị thời gian, quản trị thông tin, phân loại các loại văn bản, lưu trữ hồ sơ ; biết thực hiện các thao tác trong tiếp khách và gọi điện thoại.
44	Học máy (Machine Learning) trong phân tích kinh doanh	3		Môn học này trình bày một số kỹ thuật máy học trong bối cảnh kinh doanh và quản lý. Các doanh nghiệp đang áp dụng công nghệ học máy (Machine Learning, ML) với tốc độ nhanh chóng. Bên cạnh đó, môn học này sẽ giúp sinh viên tìm hiểu và áp dụng một số phương pháp phân loại và dự đoán dùng các phương pháp học máy có giám sát. Ứng dụng các phương

				pháp học máy nhằm phân tích hành vi và trải nghiệm của khách hàng để cải thiện ra quyết định và hướng đến phát triển sản phẩm mới, hầu như không có lĩnh vực kinh doanh hiện đại nào không thể không cần đến học máy.
45	Chuyển đổi số trong kinh doanh	3		Môn học giới thiệu kinh nghiệm “thực chiến” cho quá trình Chuyển đổi số của tác giả Lindsay Herbert- người phụ trách chuyển đổi số tại IBM, trực tiếp chỉ đạo các dự án đổi mới quy mô lớn trên toàn cầu trong mọi lĩnh vực tổ chức, đồng thời là diễn giả nổi tiếng trong lĩnh vực chuyển đổi số. Các bạn sẽ được tham gia vào một buổi thảo luận chi tiết về năm giai đoạn cơ bản của quá trình chuyển đổi số, đó là: 1) Thu hẹp khoảng trống: Thu hẹp khoảng trống những khác biệt vốn có giữa doanh nghiệp với khách hàng và với những thay đổi đang diễn ra hằng ngày trong môi trường kinh doanh; 2) Khám phá: Khám phá các rào cản ẩn trong tổ chức của bạn, tài sản hữu ích và các tài nguyên cần thiết để lập kế hoạch cũng như ưu tiên các tuyến đường để chuyển đổi số; 3) Lập lại: Lập lại chu kỳ ngắn, thử nghiệm thực tế với người dùng và thúc đẩy những đổi mới có thể mở rộng; 4) Sử dụng đòn bẩy: Sử dụng đòn bẩy thành công sẽ loại bỏ được các rào cản, tiếp cận được những nguồn lực lớn hơn, mở rộng tầm ảnh hưởng và phạm vi hoạt động; 5) Mở rộng: Mở rộng đổi mới và cách thức làm việc để thích nghi và thay đổi loại hình “doanh nghiệp bình thường” mới.

46	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu (Database Management System)	3	Cơ sở dữ liệu	Môn học gồm 2 phần: Phần một: Môn học giới thiệu về cơ bản SQL sử dụng kỹ thuật CSDL Oracle 11g. Môn học giới thiệu các khái niệm CSDL quan hệ và ngôn ngữ lập trình SQL. Môn học cung cấp các kỹ năng SQL cần thiết cho phép các nhà phát triển phần mềm viết các vấn tin lấy dữ liệu từ một hoặc nhiều bảng dữ liệu, thao tác dữ liệu trong các bảng dữ liệu. Tìm hiểu các đối tượng trong lược đồ CSDL. Tạo các tập tin chỉ mục, các ràng buộc. Tạo và vấn tin các bảng dữ liệu ngoài, chuyển đổi dữ liệu trong ứng dụng nhà kho dữ liệu. Phần hai: tìm hiểu tóm tắt các thành phần kiến trúc của CSDL, quyền hệ thống và quyền đối tượng trong CSDL. Sử dụng công cụ Enterprise Manager (EM) tạo user, gán quyền, tạo các vùng lưu trữ dữ liệu. Môn học sử dụng công cụ chính là Oracle SQL Developer và sử dụng SQL*Plus là công cụ tùy chọn.
47	Phát triển Web Kinh doanh (Business Website Development)	4	Tin học đại cương, Kỹ thuật lập trình	Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức để thiết kế và lập trình website kinh doanh đơn giản thông qua các ngôn ngữ lập trình phía máy khách: ngôn ngữ HTML, CSS, JavaScript, XML, mô hình DOM, Angular...
48	Phân tích và thiết kế HTTT (Analysis and Design of Management Information System)	3		Môn học gồm 4 phần: - Phần một: giới thiệu & ôn lại các kiến thức về hệ thống thông tin nói chung và hệ thống thông tin quản lý nói riêng; trình bày các giai đoạn & các phương pháp được ứng dụng tại mỗi giai đoạn của quá trình phân tích & thiết kế, ưu khuyết điểm của các phương pháp; thực trạng ứng dụng và triển khai hệ thống thông tin quản lý tại nước ta hiện nay, các thuận lợi, khó khăn cũng như xu hướng phát triển, các vị trí công việc có liên quan. - Phần hai: trình bày cụ thể từng giai đoạn như khảo sát hiện trạng, phân tích yêu cầu, thiết kế các thành phần, đề xuất các giải pháp xây dựng

49	Tích hợp quy trình kinh doanh với ERP 1 (INTEGRATED BUSINESS PROCESSES WITH ERP SYSTEMS)	3		Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin doanh nghiệp – ERP system. Trong đó, môn học trình bày các khái niệm liên quan đến tổ chức, quy trình nghiệp vụ kinh doanh trong tổ chức và sự hỗ trợ của hệ thống thông tin doanh nghiệp trong quá trình tin học hóa hoạt động kinh doanh.
50	Quản trị nguồn nhân lực (HUMAN RESOURCE MANAGEMENT)	3	Quản trị học	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chức năng quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức như thu hút, đào tạo phát triển, đánh giá hiệu suất công việc, trả công lao động và duy trì nhân viên. Bên cạnh những chức năng, kiến thức cơ bản, những kỹ năng quản trị nguồn nhân lực cũng giúp cho người học phát triển khả năng phân tích, giải quyết các vấn đề trong tổ chức nhằm đạt đến hai mục tiêu cơ bản: tăng năng suất lao động, hiệu quả công việc của tổ chức và thỏa mãn nhu cầu phát triển bản thân của từng nhân viên. Kết thúc môn này, kiến thức của sinh viên được đánh giá theo các chuẩn đầu ra của môn quản trị nguồn nhân lực, nằm trong chuẩn đầu ra của ngành Quản trị kinh doanh. Mức độ đáp ứng được phân loại trên cơ sở bộ thang đo 6 mức độ nhận biết của Benjamin S. Bloom (1956).
51	Hành vi tổ chức (ORGANIZATIONAL BEHAVIOR)	3	Quản trị học	Môn Hành vi tổ chức cung cấp những kiến thức cơ sở cần thiết cho nhà quản trị dựa trên nền tảng của nghiên cứu tâm lý học, xã hội học. Giúp các nhà quản trị tương lai hiểu biết về các nguyên nhân, yếu tố tác động, cả bên trong và ngoại cảnh, dẫn đến những hành vi của các cá nhân, các nhóm trong tổ chức ; học được một số phương pháp giải quyết những vấn đề quản lý liên quan đến con người trong tổ chức. Nhà quản lý nào cũng cần có kỹ năng quan hệ con người tốt để có thể quản lý cấp dưới, giao tiếp với cấp trên, quản trị thành công sự thay đổi của tổ chức. Những kiến thức kỹ năng này càng có

			ý nghĩa thực tiễn trong bối cảnh Việt Nam, khi các doanh nghiệp, các tổ chức đều đang buộc phải đổi mới.
52	Quản lý dự án Hệ thống thông tin (Information system project management)	3	Môn học này cung cấp các kiến thức căn bản về quản lý dự án hệ thống thông tin bao gồm các tiến trình được thực hiện trong dự án và mô hình triển khai dự án phần mềm. Ứng với mỗi tiến trình, sinh viên sẽ được tìm hiểu chi tiết về các công việc quản lý sẽ được thực hiện cũng như nắm rõ đầu vào và đầu ra của mỗi tiến trình.
53	Trí tuệ doanh nghiệp và hệ hỗ trợ ra quyết định	3	Môn học này giúp cho sinh viên hiểu rõ và có khả năng cài đặt, vận hành và khai thác giải pháp quản trị và khai thác trí tuệ nhân tạo (Business Intelligences - BI). Việc quản lý dữ liệu, thông tin và đưa ra những thống kê, báo cáo đóng vai trò rất quan trọng đối với mọi đơn vị, tổ chức và đặc biệt là các doanh nghiệp. Các thống kê báo cáo trong BI nhằm cung cấp các thông tin trực quan, chính xác, đầy đủ và kịp thời sẽ giúp các nhà quản trị trong việc đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược cũng như xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển doanh nghiệp trong ngắn và dài hạn. Các con số, biểu mẫu thống kê là cơ sở quan trọng nhất để kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các kế hoạch, chiến lược và chính sách đó. Việc học môn học này, sẽ giúp cho sinh viên vận dụng chuỗi các môn học trước đó như: Cơ sở dữ liệu, các môn về kế toán, tài chính và quản lý để tổ chức một hệ thống BI hỗ trợ ra quyết định tốt hơn trong doanh nghiệp dựa trên cơ sở phân tích dữ liệu bên trong và bên ngoài doanh nghiệp và điều này giúp cho doanh nghiệp đạt được lợi thế cạnh tranh. Bên cạnh đó, môn học này sẽ giúp cho sinh viên rèn luyện những kỹ năng phân tích dữ liệu, kỹ năng mềm và thái độ trong công việc sau này.

54	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Môn học trang bị những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, cung cấp cho sinh viên những căn cứ lý luận khoa học để hiểu về sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân, những vấn đề mang tính quy luật trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.
55	Kiến tập (406)	2		Chương trình kiến tập là bắt buộc đối với sinh viên chính qui chương trình trải nghiệm tại doanh nghiệp và hoàn tất một báo cáo kiến tập dưới sự hướng dẫn của giảng viên và sự hỗ trợ từ doanh nghiệp. Chương trình nhằm giúp sinh viên định hướng rõ hơn và có niềm đam mê hơn để theo đuổi nghề nghiệp đã lựa chọn. Chương trình còn giúp sinh viên có điều kiện học hỏi thêm những kiến thức và kỹ năng được áp dụng trong môi trường cụ thể tại doanh nghiệp. Trong quá trình kiến tập, sinh viên có thể quan sát các hoạt động tại doanh nghiệp, có thể được trao đổi, học hỏi và rút ra những bài học kinh nghiệm. Thông qua việc quan sát môi trường thực tế, sinh viên sẽ hiểu rõ ràng hơn về tầm quan trọng của những kiến thức và kỹ năng được đào tạo trên giảng đường. Bên cạnh đó, khi sinh viên trải qua quá trình kiến tập, nhiều kỹ năng mềm của sinh viên sẽ được trau dồi và nâng cao hiệu quả bởi buổi huấn luyện từ các chuyên gia tại doanh nghiệp. Cũng thông qua việc quan sát thực tế đó, sinh viên có cơ hội trao đổi cùng các nhân viên nơi kiến tập, những kiến thức kỹ năng mềm của sinh viên sẽ dần hoàn thiện hơn giúp sinh viên lựa chọn công việc phù hợp với khả năng và cũng từ đó, sinh viên có nhiều lợi thế hơn trong giai đoạn tìm kiếm công việc chuẩn bị cho thực tập tốt nghiệp và việc làm sau khi tốt nghiệp.

56	Tích hợp qui trình kinh doanh với các hệ thống ERP P2 (Integrated Business processes with ERP Systems P2)	3	Tích hợp qui trình kinh doanh với các hệ thống ERP P1	Trình bày chi tiết về các qui trình nghiệp vụ chủ chốt trong doanh nghiệp như qui trình Quản trị vật tư, qui trình Sản xuất và Lập kế hoạch, vai trò của Kế toán quản trị, Quản lý kho, Quản lý nhân sự. Các nội dung được trình bày ở mỗi qui trình gồm: Các khái niệm và thuật ngữ cơ bản, Hệ thống thông tin và các dữ liệu chủ chốt (Master data), các giai đoạn nghiệp vụ và tính liên kết của các giai đoạn, tương tác giữa qui trình này với các qui trình khác, các bài tập thực hành theo case study trên Hệ thống SAP ERP
57	Lý thuyết Kiểm toán (Theory of Auditing)	3	Kế toán tài chính	Nội dung chính của môn học bao gồm những nguyên lý cơ bản về bản chất, đối tượng, phương pháp và tổ chức kiểm toán của hoạt động kiểm toán, đặc biệt là kiểm toán độc lập.
58	An toàn và Bảo mật Hệ thống thông tin quản lý (Safety and Security Information system)	3	Phân tích và Thiết kế Hệ thống thông tin	Môn học gồm các phần: - Khái quát về bảo mật hệ thống thông tin, các mối đe dọa đối với hệ thống thông tin. - Tìm hiểu một số phương pháp bảo mật hệ thống, mã hoá thông tin. - Tìm hiểu việc một số biện pháp bảo mật cơ sở dữ liệu như phân quyền, kiểm soát truy cập cơ sở dữ liệu. - Tìm hiểu bảo mật trong các ứng dụng hiện đại (TMDT, ứng dụng với thiết bị di động)
59	Khai phá dữ liệu (Data-mining)	3	Cơ sở dữ liệu	Môn học gồm 3 phần: - Khái niệm và phương pháp xây dựng nhà kho dữ liệu. - Khái niệm về khai phá dữ liệu. Một số thuật toán khai phá dữ liệu, ứng dụng trong khai thác thông tin kinh tế. - Một số mô hình áp dụng trong kinh tế.
60	Hệ thống thông tin kế toán (Accounting Information Systems)	2	Kế toán đại cương	Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin, giúp sinh viên hệ thống hóa các môn học trong ngành quản trị doanh nghiệp, từ đó tổ chức hệ thống thông tin kế toán nhằm kiểm soát tài sản cũng như cung cấp kịp thời các thông tin hữu ích cho nhà quản trị trong và ngoài doanh nghiệp khi ra quyết định kinh doanh.

				Môn học được bắt đầu từ giới thiệu hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp, kể đến sẽ mô tả các quy trình kinh doanh chính và mục tiêu kiểm soát trong từng quy trình, và cuối cùng là các tiêu chí, cơ sở để lựa chọn, vận hành hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp. Thông qua lý thuyết được trình bày trên lớp, kết hợp với các tài liệu tham khảo được hướng dẫn, sinh viên sẽ tiến hành xây dựng một hoặc vài quy trình kinh doanh cụ thể tại một đơn vị kinh doanh. Các quy trình này phải phù hợp với quy mô, yêu cầu quản lý và mang tính khả thi
61	Phát triển ERP mã nguồn mở (Developing ERP by Open Source)	2	Kỹ thuật lập trình	Tìm hiểu mã nguồn mở , ngôn ngữ lập trình và ứng dụng mã nguồn mở để phát triển hệ thống ERP cơ bản
62	Phân tích dữ liệu với R/Python	3		This course introduces the fundamentals of data analytics with python. It first reviews several most popular python libraries in data science, Numpy, Pandas, and Matplotlib. Then it focuses on basics of statistics concepts, time series analysis, and natural language processing. The course follows a streamline of data analytics projects with python as the tool. The course uses the hand-on approach, integrating the concepts of data analytics with python code examples.
63	Phát triển thương mại di động (Develop mobile commerce)	3		Điện toán di động, nền tảng kỹ thuật về lập trình ứng dụng di động trên nền tảng Android, mức độ front-end. Khái niệm thương mại di động và các mô hình, hình thức kinh doanh và tiếp thị
64	Thực tập tốt nghiệp	4		Thực tập tốt nghiệp là đợt thực tập bắt buộc đối với sinh viên hệ chính quy nhằm tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận với thực tiễn, củng cố những kiến thức và kỹ năng đã được đào tạo thông qua một báo cáo thực tập dưới sự hướng dẫn của giảng viên và doanh nghiệp. Thực tập tốt nghiệp giúp sinh viên kết nối kiến thức và kỹ năng được đào tạo với thực tiễn liên quan

				đến ngành nghề, tạo điều kiện cho sinh viên hiểu biết sâu hơn về tình hình hoạt động của doanh nghiệp, tham gia vào các hoạt động và thậm chí có cơ hội được giao thực hiện các công việc thực tế tại công ty như một người nhân viên. Thực tập tốt nghiệp cũng nhằm tạo điều kiện cho sinh viên phát huy khả năng tư duy sáng tạo trong thực tiễn rèn luyện những kỹ năng mềm, đáp ứng nhu cầu đòi hỏi của những nghiệp vụ, những công việc cụ thể tại đơn vị thực tập. Bên cạnh đó, thực tập tốt nghiệp cũng nhằm giúp sinh viên xây dựng được tác phong làm việc chuyên nghiệp hơn, có thái độ tích cực hơn với ngành nghề, tiếp cận thực tiễn để hiểu sâu hơn về công tác nghiệp vụ. Hơn thế nữa, sinh viên có nhiều cơ hội tìm hiểu sâu về chuyên môn nghiệp vụ, cơ cấu tổ chức và những công tác cụ thể thuộc về chuyên ngành đào tạo trong cơ quan thực tập, giúp sinh viên nêu cao ý thức trách nhiệm trong công việc và chuẩn bị cho nghề nghiệp đã lựa chọn sau khi tốt nghiệp.
65	Khóa luận tốt nghiệp	4		Khóa luận tốt nghiệp giúp sinh viên có điều kiện và cơ hội trong việc nâng cao kiến thức và rèn luyện được thêm nhiều kỹ năng chuyên sâu cần thiết thông qua việc thực hiện một nghiên cứu thuộc ngành đào tạo nhằm giải quyết vấn đề thực tế. Sau khi hoàn thành xong báo cáo khóa luận, sinh viên sẽ rèn luyện được khả năng tư duy, biết cách đặt vấn đề để đưa ra cách giải quyết một cách độc lập và sáng tạo. Tạo điều kiện cho sinh viên có điều kiện và cơ hội nâng cao các khối kiến thức và kỹ năng đã được trang bị và phát huy sở trường của mình thông qua việc thực hiện công trình nghiên cứu khoa học. Cụ thể hơn, khóa luận tốt nghiệp sẽ giúp sinh viên hệ thống hóa các kiến thức, kỹ năng và vận dụng chúng trong đề tài nghiên cứu một cách có khoa học và sáng tạo; rèn luyện và nâng cao khả năng tư duy, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề một cách độc lập và sáng tạo; và rèn luyện cho sinh viên tính tự vận động, độc lập trong nghiên cứu và phát huy sở trường của

				minh thông qua một báo cáo kết quả nghiên cứu có khả năng liên hệ với thực tiễn.
66	Tâm lý nghệ thuật lãnh đạo	3		Giúp Sinh viên nắm vững và đi sâu vào kiến thức về tâm lý con người, các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý con người, các qui luật tâm lý (thuyết Đức trị, thuyết Pháp trị). Từ đó vận dụng phương pháp Tư duy (bao gồm cả 3 phương pháp: phương pháp phân tích, phương pháp đánh giá, phương pháp suy luận). Đồng thời vẫn phải đảm bảo 3 nguyên lý trong Nghệ thuật lãnh đạo (nguyên lý 1: chân thành, thật tình; nguyên lý 2: tiên trách kỷ mà không có hậu trách nhân; nguyên lý 3: phù hợp với Văn hóa Á Đông). Giải quyết các vấn đề trong nghệ thuật lãnh đạo bằng cách dung hòa các mối quan hệ.

11. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

11.1 Danh sách giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên, chức vụ hiện tại	Năm sinh	Chức danh KH, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
1	Mai Lê Thúy Vân	1982		ThS – 2012	Kinh tế	Kinh tế vi mô
2	Huỳnh Thị Ly Na	1988		ThS – 2014	Kinh tế	Kinh tế vĩ mô
3	Phạm Mỹ Duyên			ThS - 2006	Kinh tế chính trị	Kinh tế chính trị Mác Lênin
4	Nguyễn Thị Thu Trang	1981		TS - 2019	Luật kinh tế	Pháp luật đại cương
5	Đào Thị Thu Hằng	1977		ThS - 2006	Luật kinh tế	Luật doanh nghiệp
6	Nguyễn Đình Ưông	1979		ThS - 2008	Toán ứng dụng	Toán cao cấp
7	Phạm Hoàng Uyên	1976		TS - 2010	Toán (XSTK)	Lý thuyết xác suất

8	Lê Thanh Hoa	1983		ThS - 2007	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Thống kê ứng dụng
9	Phạm Quốc Thuần	1974		TS – 2016	Kinh doanh và quản lý	Nguyên lý kế toán
10	Phan Đức Dũng		PGS	TS - 2001	Kế toán	Kế toán tài chính
11	Hoàng Thị Mai Khánh	1986		ThS - 2013	Kế toán	Lý thuyết kiểm toán
12	Hoàng Thọ Phú	1971		ThS - 1996	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý thị trường tài chính
13	Trần Thị Hồng Liên	1983		TS	Quản trị kinh doanh	Quản trị học căn bản; Chuyển đổi số trong kinh doanh
14	Mai Thu Phương	1986		ThS	Quản trị kinh doanh	Quản trị nguồn nhân lực
15	Nguyễn Hải Quang	1973		TS	Quản trị kinh doanh	Hành vi tổ chức
16	Phùng Thanh Bình	1984		TS -		Marketing căn bản
17	Trần Thị Ánh	1986		ThS - 2015	Hệ thống thông tin quản lý	Phát triển Web kinh doanh Thương mại điện tử
18	Phạm Mạnh Cường	1986		ThS - 2011	Hệ thống thông tin quản lý	Thương mại điện tử; Kiến tập 406
19	Trương Hoài Phan	1976		ThS - 2002	Tin học	Nền tảng công nghệ cho HTTT Phát triển ERP mã nguồn mở; Chuyển đổi số trong kinh doanh
20	Hồ Trung Thành	1975		TS - 2018	Khoa học máy tính	Big Data và Ứng dụng; Giới thiệu ngành 406; Hệ thống thông tin quản lý; Trí tuệ doanh nghiệp và Hệ

						hỗ trợ ra quyết định
21	Nguyễn Duy Nhất	1980		ThS - 2006	Tin học	Tích hợp quy trình kinh doanh với ERP 1; Tích hợp quy trình kinh doanh với ERP 2 Cơ sở dữ liệu Khai phá dữ liệu
22	Lê Hoàn Sử	1978		TS - 2016	E-Business	Phân tích dữ liệu với R/Python, Thương mại điện tử; Chuyển đổi số trong kinh doanh Phương pháp nghiên cứu liên ngành
23	Nguyễn Thôn Dã	1980		TS – 2021	Hệ thống thông tin	Khai phá dữ liệu, Hệ quản trị CSDL Hệ thống thông tin kinh doanh
24	Trần Quang Thân	1966		ThS - 2015	Quản trị kinh doanh	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Cơ sở dữ liệu
25	Triệu Việt Cường	1982		ThS - 2008	Quản trị kinh doanh	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin Hệ thống thông tin kế toán Trí tuệ doanh nghiệp và Hệ hỗ trợ ra quyết định
26	Vũ Thúy Hằng	1988		ThS – 2013	Hệ thống thông tin quản lý	Tích hợp quy trình kinh doanh với ERP 1 Phân tích thiết kế hệ thống thông tin
27	Lê Hải Nam	1982		ThS - 2007	Khoa học máy tính	Kỹ thuật kiểm thử phần mềm Nền tảng công nghệ 4.0

28	Lê Thị Kim Hiền	1990		ThS – 2015	Hệ thống thông tin quản lý	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 1, 2 Hệ thống thông tin kinh doanh Big Data và ứng dụng Hệ thống thông tin quản lý
29	Phan Phi Yến	1987		ThS - 2015	Thương mại điện tử	Thương mại điện tử Chuyển đổi số trong kinh doanh
30	Lê Quốc Hiếu	1976		TS - 2014	Quản trị Kinh doanh	Thương mại điện tử Chuyển đổi số trong kinh doanh
31	Vũ Văn Điệp	1970		ThS - 2015	Quản trị kinh doanh	Hệ thống thông tin kế toán Hệ thống thông tin doanh nghiệp
32	Nguyễn Quang Hưng	1981		ThS - 2016	Quản lý CNTT	Hệ thống thông tin quản lý An toàn bảo mật HTTT quản lý
33	Nguyễn Quang Phúc	1989		ThS -2016	Khoa học máy tính	Tư duy lập trình Kỹ thuật lập trình Phát triển thương mại di động
34	Trần Duy Thanh	1983		ThS - 2015	Khoa học máy tính	Kỹ thuật lập trình Phát triển thương mại di động Học máy (Machine Learning) trong phân tích kinh doanh
37	Nguyễn Văn Hồ	1993		ThS – 2021	Hệ thống thông tin quản lý	Trí tuệ doanh nghiệp và và hệ hỗ trợ ra quyết định Big Data và ứng dụng Hệ thống thông tin

						quản lý
38	Lâm Hồng Thanh	1991		ThS – 2019	Hệ thống thông tin quản lý	Cơ sở dữ liệu Hệ quản trị CSDL
39	Nguyễn Đại Nghĩa	1985		ThS – 2020	Quản trị kinh doanh	Thương mại điện tử

11.2 Danh sách giảng viên thỉnh giảng

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm	Cơ quan công tác hiện tại
1	Lê Tuyết Ánh	GVC.Ths			- Tâm lý học - Nhập môn khoa học giao tiếp	ĐH Khoa học XH & NV
2	Đào Minh Hồng	TS			Quan hệ quốc tế	ĐH Khoa học XH & NV
3	Trần Nam Tiến	PGS.TS			Địa chính trị thế giới	ĐH Khoa học XH & NV
4	Phạm Đình Nghiệm	PGS.TS			- Logic học - Phương pháp nghiên cứu khoa học	ĐH Sài Gòn
5	Nguyễn Anh Thường	TS				ĐH Khoa học XH & NV
6	Nguyễn Ngọc Thơ	TS			Văn hóa học	ĐH Khoa học XH & NV
7	Lê Thị Ngọc Diệp	TS			Cơ sở văn hóa Việt Nam	ĐH Khoa học XH & NV
8	Phạm Khánh Bằng	GVC.Ths			- Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam - Tư tưởng HCM	Học viện hành chính khu vực II
9	Đinh Thị Điều	GVC.Ths				Học viện hành chính khu vực II
10	Nguyễn Thị Hoa Phượng	GVC.Ths				Học viện hành chính khu vực II
11	Trần Dũng	TS			Nhân học đại cương	ĐH Khoa học XH & NV

12. Danh sách cố vấn học tập

STT	Cố vấn học tập
1	TS. Hồ Trung Thành
2	ThS. Trương Hoài Phan
3	TS. Nguyễn Thôn Dã
4	ThS. Nguyễn Duy Nhất (NCS)
5	ThS. Trần Thị Ánh
6	ThS. Vũ Thúy Hằng
7	ThS. Triệu Việt Cường (NCS)
8	ThS. Lê Thị Kim Hiền (NCS)
9	ThS. Nguyễn Quang Hưng (NCS)
10	ThS. Nguyễn Quang Phúc
11	ThS. Nguyễn Văn Hồ

13. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

13.1 Phòng học: Tại cơ sở nhà điều hành và học tập của Trường đại học Kinh tế - Luật thuộc ĐHQG TP.HCM tại Khu phố 3 - Phường Linh Xuân - Quận Thủ Đức

13.2 Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính/thực hành

STT	Tên phòng thí nghiệm, địa chỉ	Đơn vị chủ quản	Môn học	Diện tích	Số thiết bị thí nghiệm chuyên dùng (máy tính)
1	Phòng Lab Business Intelligence	Trường ĐH Kinh tế - Luật	Khởi nghiệp kinh doanh Thương mại điện tử Phục vụ cho các hướng nghiên cứu về Thương mại điện tử và Hệ thống thông tin quản lý Phục vụ đề tài nghiên cứu xây dựng sản phẩm dịch vụ thị trường thương mại điện tử ảo Nghiên cứu lĩnh vực BigData (Dữ liệu lớn) trong Thương mại điện tử.		55

2	Phòng máy 601 - Linh Xuân	Trường ĐH Kinh tế - Luật	Tin học cơ sở Kỹ thuật lập trình Phát triển ứng dụng mã nguồn mở Hệ thống thông tin kinh doanh Cơ sở dữ liệu Phân tích dữ liệu Web Thiết kế Web kinh doanh Phân tích và thiết kế HTTT Khai phá dữ liệu và Nhà kho dữ liệu Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Phát triển ứng dụng di động		45
3	Phòng máy 607 - Linh Xuân	Trường ĐH Kinh tế - Luật			45
4	Phòng máy 501 - Linh Xuân	Trường ĐH Kinh tế - Luật			45
5	Phòng máy 511 - Linh Xuân	Trường ĐH Kinh tế - Luật			45
6	Phòng máy 707 - Linh Xuân	Trường ĐH Kinh tế - Luật			45

13.3 Hội trường: Trường đại học Kinh tế-Luật có 1 hội trường với tổng diện tích 923 m² được trang bị hiện đại, sử dụng cho hoạt động công tác của Trường và các hoạt động ngoại khóa, hoạt động phong trào của sinh viên.

13.4 Thư viện:

Thư viện trường với cơ sở chính tọa lạc tại tòa nhà KTLB2 và cơ sở hai tại số 45 Đinh Tiên Hoàng, phường Bến Nghé, Quận 1.

Hệ thống thư viện: thư viện có khoảng 630 chỗ ngồi với tổng diện tích 1.912 m²; Với số lượng tài liệu lớn và thường xuyên được cập nhật, bổ sung theo yêu cầu của giảng viên nhằm đảm bảo mỗi môn học đều có ít nhất là 1 giáo trình và 5 tài liệu tham khảo. Bên cạnh đó, các loại sách, báo, tạp chí cần thiết đều được đặt mua định kỳ. Sinh viên chương trình chất lượng cao được cấp miễn phí sách giáo trình và tài liệu tham khảo do Trường đại học Kinh tế - Luật xuất bản và được mượn giáo trình khác từ thư viện trong suốt quá trình học môn học của chương trình đào tạo; Trường đã trang bị máy scan, máy in phục vụ cho việc sao lưu tài liệu học tập của sinh viên:

- Tổng diện tích thư viện 1.912 m²; Số chỗ ngồi: 630

- Số lượng máy tính có kết nối internet: 57 máy.
- 02 máy Scan, 01 máy photocopy phục vụ miễn phí cho sinh viên in ấn tài liệu phục vụ học tập, nghiên cứu khoa học.
- Phần mềm quản lý thư viện: Seirra;
- Thư viện trường ĐH Kinh tế - Luật: là thành viên trong khối ĐHQG HCM nên bạn đọc được sử dụng chung nguồn tài nguyên thông tin (sách, giáo trình, tài liệu điện tử trong nước và nước ngoài) của các thư viện thành viên. Có thư viện điện tử, đã kết nối được với 01 CSDL điện tử ngoài nước (OECD); Số lượng sách, giáo trình điện tử: 54 ebook.
- Kết nối: Thư viện ĐH Kinh tế - Luật đã kết nối và chia sẻ nguồn lực thông tin với 04 trường Đại học trong nước: Đại học Luật Hà Nội, Đại học Luật TP.HCM, Đại học Ngân hàng, Đại học Kiểm sát; kết nối với mạng lưới thư viện các trường Đại học ASEAN (AUNILo, link: <https://aunilosec.blog/>).
- Thư viện trung tâm ĐHQG TP.HCM: có thư viện điện tử, đã kết nối được với 04 CSDL điện tử trong nước (Bộ sưu tập số toàn văn: Sách/Bài giảng/Luận án tất cả các chủ đề; Toàn văn 13 tạp chí khoa học trong nước từ năm 2007 đến nay; Toàn bộ tài liệu Khoa học & Công nghệ của Cục KH&CN Quốc gia Việt Nam; CSDL Ebook tiếng Việt của Nhà xuất bản Tổng hợp TP. HCM bao gồm: sách giáo khoa, giáo trình, từ điển thuộc tất cả các lĩnh vực) và CSDL thống kê VIETDATA, đã kết nối được với 14 CSDL điện tử ngoài nước: Acs (American Chemical Society), Asme (American Society Of Mechanical Engineers, Ieee Xplore Digital Library, Ig Publishing, Iop Science Journals, JI (John Libbey Eurotext), Mathscinet, Mit Opencourseware, Nature, Oxford Scholarship Online, Proquest Central, Sciencedirect, Springer Open, Springerlink, Số lượng sách, giáo trình điện tử: 267 ebook.
- Thư viện của Trường Đại học Kinh tế-Luật: được trang bị máy tính kết nối Internet.

13.5 Giáo trình, tập bài giảng của ngành đào tạo

STT	MÔN HỌC	TÊN GIÁO TRÌNH	TÊN TÁC GIẢ	NHÀ XUẤT BẢN	NĂM XB
1	Tư duy lập trình	Kỹ thuật lập trình cơ bản	Hồ Trung Thành, Trương Hoài Phan, Trần Duy Thanh	ĐHQG	2019
2	Chuyển đổi số trong kinh doanh	Digital Transformation - Chuyển Đổi Số	Lindsay Herbert (Nguyễn Bích Phương dịch)	NXB Thông Tin và Truyền Thông	2020
3	Nền tảng công nghệ cho HTTT	Computer Networking – A Top Down Approach - 6th Edition	James F.Kurose & Keith W.Ross		2013
4	Chuyển đổi số và Trí tuệ nhân tạo	[1] <i>Managing Digital Transformation: Understanding the Strategic Process.</i> [2]. <i>Digital Transformation – Chuyển đổi số,</i>	[1] Hinterhuber, A., Vescovi, T. and Checchinato, F. eds., [2] Lindsay Herbert, Nguyễn Bích Phương dịch.	[1]Routledge [2]Alphabooks	[1]2021. [2]2020.
5	Kỹ thuật lập trình	Kỹ thuật lập trình nâng cao	Hồ Trung Thành, Trương Hoài Phan, Trần Duy Thanh	ĐHQG	2020
6	Thương mại điện tử	E-Commerce 2019: Business, Technology and Society (15th Edition)	Kenneth C. Laudon • Carol Guercio Traver	Pearson	2020

7	Hệ thống thông tin quản lý	Management Information System: Managing the firm, 15th Ed.	Jane P. Laudon, Kenneth C. Laudon	Prentice Hall	2018
8	Cơ sở dữ liệu	Modern Database Management	Jeffrey A. Hoffer	Pearson Education	2016
9	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu	Fundamentals_of_Database_Systems_6th_Edition, MODERN DATABASE MANAGEMENT 12th, Beginning Microsoft SQL Server 2008, Oracle Database 11g Administration	Jeffrey A. Hoffer	Prentice Hall	2010
10	Phát triển Web Kinh doanh	Programming in HTML5 with JavaScript and CSS3		PUBLISHED BY Microsoft Press	
11	Phân tích và thiết kế HTTT	System analysis and design 11E	Scott Tilley and Harry Rosenblatt	Cengage Learning;	2016
12	Tích hợp quy trình kinh doanh với ERP I	Integrated Business processes with ERP System	Simha R. Magal Jeffrey Word	WILEY	2012
13	Quản lý dự án Hệ thống thông tin	A Guide to The Project Management Body of Knowledge (Seventh Edition and The Standard for Project Management)	Project Management Institute	Project Management Institute	2021
14	Trí tuệ doanh nghiệp và hệ hỗ trợ ra quyết định	Analytics, Data Science, & Artificial Intelligence, 11e, Global Edition	Ramesh Sharda, Dursun Delen, and Efraim Turban	Pearson Education	2021
15	Phát triển Web Kinh doanh nâng cao	Pro ASP.NET Core MVC 2, Seventh Edition	Adam Freeman	Apress	2017
16	Tích hợp qui trình kinh doanh với các hệ thống	Integrated Business processes with ERP System	Simha R. Magal Jeffrey Word	WILEY	2012

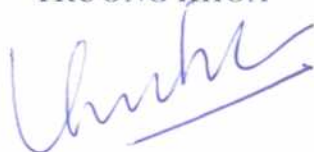
	ERP P2				
17	An toàn và Bảo mật Hệ thống thông tin quản lý	Fundamentals Of Information Systems Security, 3 edition	David Kim, Michael G. Solomon	Jones & Bartlett Learning	2016
18	Khai phá dữ liệu	Khai phá dữ liệu trong kinh doanh	Nguyễn Duy Nhất Hồ Trung Thành	ĐHQG TP.HCM	2015
19	Hệ thống thông tin kế toán	Accounting Information Systems ,13th Edition	Marshall Romney, Paul Steinbart	Pearson Education	2015
20	Phát triển ERP mã nguồn mở	OpenERP Documentation v7.0 Odoo Development Essentials Paperback	Daniel Reis		April 6, 2015
21	Phân tích dữ liệu với R/Python	Python for Data Analysis: Data Wrangling with Pandas, NumPy, and Ipython, 2nd edition	Wes McKinney	O'Reilly Media	2017
22	Phát triển thương mại di động	Android 4 Application Development	Reto Meier	Wiley	2012
23	Học máy (Machine Learning) trong phân tích kinh doanh	Deep learning.	Goodfellow, I., Bengio, Y., & Courville, A.	MIT press	2016
24	Big Data và Ứng dụng	Building Big Data Applications	Krish Krishnan	Springer	2020
25	Kỹ thuật kiểm thử phần mềm	Introduction to Software Testing. Cambridge University Press	Paul Ammann and Jeff Offutt - Paul Ammann and Jeff Offutt		2008

14. Hướng dẫn thực hiện chương trình: Chương trình được áp dụng từ năm học 2021-2022

15. Dự kiến kế hoạch kiểm định chương trình đào tạo:

Chương trình sẽ được cập nhật định kỳ 2 năm 1 lần và có thay đổi lớn định kỳ 4 năm 1 lần. Trong 4 năm, khoa sẽ tiến hành khảo sát lấy ý kiến sinh viên, cựu sinh viên, doanh nghiệp và những nhà chuyên môn để hoàn thiện chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu cao nhất cho xã hội.

TRƯỞNG KHOA



Lê Hoàng Sử



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Tiến Dũng